

DỰ THẢO CUỐI



ĐỀ ÁN
HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT
TIẾP CẬN CÁC DỊCH VỤ BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2026-2030

CƠ QUAN CHỦ TRÌ:

Bộ Y tế

CƠ QUAN PHỐI HỢP:

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Bộ Xây dựng

Bộ Thông tin và Truyền thông

Các Bộ ngành liên quan

Mặt Trận tổ quốc và thành viên của MTTQVN

Ủy nhân dân các tỉnh, thành phố

Hà Nội, tháng 8 năm 2026

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	3
PHẦN I: SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	5
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ	5
II. CƠ SỞ THỰC TIỄN	10
III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM	25
PHẦN II: NỘI DUNG ĐỀ ÁN	26
I. MỤC TIÊU	26
II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN	30
III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	30
IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	36
V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	36
VI. HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN	39
VII. TÍNH KHẢ THI THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN	44
PHẦN PHỤ LỤC	43

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BYT	Bộ Y Tế
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào Tạo
CRC	Công ước của liên hợp quốc về quyền trẻ em
CRPD	Công ước của Liên hợp quốc về quyền của Người khuyết tật
CTK	Cục thống kê
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông hồng
PHCN	Phục hồi chức năng
TCTK	Tổng cục thống kê
TH	Tiểu học
THCS	Trung học cơ sở
THPTT	Trung học phổ thông
TD-MNPB	Trung du miền núi phía bắc
TEKT	Trẻ em khuyết tật
TYTX	Trạm y tế xã
UBND	Ủy ban nhân dân
UNICEF	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc
WHO	Tổ chức y tế thế giới

LỜI MỞ ĐẦU

Công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em khuyết tật nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm. Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em”. Luật trẻ em năm 2016 quy định “Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội”.

Trên thực tế, việc đảm bảo quyền của trẻ em khuyết tật gặp rất nhiều khó khăn so với trẻ em không bị khuyết tật. Trẻ em khuyết tật bị suy giảm đáng kể về khả năng sinh hoạt, khả năng học tập và tham gia các hoạt động xã hội; Trẻ em khuyết tật rất khó khăn trong việc tiếp cận với các nguồn lực xã hội để có điều kiện thực hiện đầy đủ quyền trẻ em. Trong những năm qua, trẻ em khuyết tật luôn là nhóm đối tượng được ưu tiên hỗ trợ trong các chính sách, chương trình, đề án trợ giúp người khuyết tật. Điều kiện để thực hiện quyền của trẻ em khuyết tật đã được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật nổi lên một số vấn đề bất cập như: Chưa thống kê, cập nhật được đầy đủ các dữ liệu về trẻ em khuyết tật; chưa đánh giá được nhu cầu tiếp cận dịch vụ xã hội của trẻ em khuyết tật. Các dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại gia đình và cộng đồng còn thiếu về số lượng và chất lượng thấp. Một bộ phận trẻ em khuyết tật chưa tiếp cận được các dịch vụ chăm sóc, giáo dục và bảo vệ có chất lượng và công bằng, nhất là nhóm trẻ em khuyết tật nặng và đặc biệt nặng

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng, bên cạnh nhiều cơ hội mới cũng phải đối mặt với nhiều thách thức mới. Biến đổi khí hậu và thiên tai, dịch bệnh tác động khiến nhiều trẻ em bị ảnh hưởng về học tập, dinh dưỡng, mắc bệnh và tổn thương tâm lý. Quá trình đô thị hóa, di cư lao động, già hóa dân số và thay đổi mô hình gia đình dẫn đến những biến đổi bất lợi trong môi trường sống và chăm sóc trẻ em.

Các chủ trương lớn của Đảng về phát triển giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, dân số, hội nhập quốc tế... tác động sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có trẻ em, đặc biệt là trẻ em khuyết tật. Với sự chú trọng vào phát triển dựa trên khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới với mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045. Điều này đòi hỏi sự phát triển nguồn nhân lực vững chắc, đầu tư lớn hơn nữa, quan tâm

nhều hơn đến trẻ em, thế hệ tương lai của đất nước, với cách tiếp cận bền vững, bao trùm và thực hiện các chương trình và dự án mới, đặc biệt là trẻ em khuyết tật.

Thực hiện Luật trẻ em năm 2016, Công ước của Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, Luật người khuyết tật 2010, khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc về đảm bảo các quyền của trẻ em khuyết tật, Nghị quyết 71-NQ/TW, Nghị quyết 72- NQ/TW; Quyết định số 1183/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, trong đó giao nhiệm vụ cho Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội nay là Bộ Y tế nghiên cứu, xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục có chất lượng và công bằng; giúp các em có cơ hội phát triển và hòa nhập xã hội.

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Các công ước và văn bản quốc tế

Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC): Công ước có hiệu lực từ năm 1990 và Việt Nam cũng đã phê chuẩn. Công ước yêu cầu trách nhiệm của các quốc gia thành viên đảm bảo các quyền cho mọi trẻ em, không phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo và khuyết tật. Đảm bảo trẻ em khuyết tật về tinh thần hay thể chất được hưởng một cuộc sống đầy đủ; thúc đẩy khả năng tự lực và tạo cơ sở cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng. Trẻ em khuyết tật có quyền được chăm sóc đặc biệt tùy theo các nguồn lực sẵn có, khuyến khích và bảo đảm dành cho trẻ em khuyết tật và người chăm sóc trẻ khuyết tật sự giúp đỡ thích hợp theo yêu cầu. Trên cơ sở các nhu cầu đặc biệt của trẻ em khuyết tật, sự giúp đỡ dành cho trẻ em khuyết tật phải được cung cấp miễn phí, bất kỳ khi nào có thể. CRC yêu cầu các chính phủ phải bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận một cách hiệu quả và được nhận sự giáo dục, đào tạo, các dịch vụ y tế, dịch vụ phục hồi chức năng, chăm sóc nuôi dưỡng, chuẩn bị công ăn việc làm và vui chơi, giải trí, văn hóa tinh thần, trẻ em khuyết tật có thể hòa nhập tối đa vào xã hội và phát triển các năng lực cá nhân tốt nhất, kể cả phát triển văn hóa và tinh thần¹.

Tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc về “Một thế giới phù hợp với trẻ em”: Việt Nam đã cam kết thực hiện và có hiệu lực từ năm 2002: Văn kiện này đề cập đến 10 nguyên tắc được xây dựng cho phong trào toàn cầu vì trẻ em, bao gồm: Đặt trẻ em lên trên hết; Xóa bỏ đói nghèo (đầu tư cho trẻ em); Chăm sóc; Giáo dục; Ngăn chặn sự xâm hại và bóc lột; Bảo vệ trẻ em khỏi các cuộc chiến tranh; Chống đại dịch HIV/AIDS; Lắng nghe ý kiến và đảm bảo sự tham gia của các em; Bảo vệ trái đất.

Công ước Liên hợp quốc về quyền của Người khuyết tật (CRPD) ban hành năm 2007. Việt Nam đã phê chuẩn và có hiệu lực từ năm 2014. Mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ.² Công ước này đề ra 8 nguyên tắc: (a) Tôn trọng nhân phẩm vốn có, quyền tự chủ của cá nhân, trong đó có tự do lựa chọn, và tôn trọng sự độc lập của cá nhân; (b) Không phân biệt đối xử;

¹ Điều 3, Công ước của liên hợp quốc về quyền trẻ em

² Điều 1 Công ước của liên hợp quốc về quyền của Người khuyết tật

(c) Tham gia và hòa nhập trọn vẹn và hữu hiệu vào xã hội; (d) Tôn trọng sự khác biệt và chấp nhận người khuyết tật là bộ phận của nhân loại có tính đa dạng; (e) Bình đẳng về cơ hội; (f) Dễ tiếp cận; (g) Bình đẳng giữa nam và nữ; (h) Tôn trọng khả năng phát triển của trẻ em khuyết tật và tôn trọng quyền của trẻ em khuyết tật được giữ gìn bản sắc của mình.

CRPD “Khuyến khích thái độ tôn trọng quyền của người khuyết tật ở tất cả các cấp trong hệ thống giáo dục, bao gồm cả trẻ em ở mọi lứa tuổi”. “Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết đảm bảo trẻ em khuyết tật có quyền bình đẳng đối với cuộc sống gia đình, và ngăn ngừa sự giấu giếm, cấm đoán, ruồng bỏ và cách ly trẻ em khuyết tật, cam kết cung cấp các thông tin và dịch vụ hỗ trợ đầy đủ, kịp thời cho trẻ em khuyết tật và gia đình trẻ em khuyết tật”.

CRPD có quy định riêng về trẻ em khuyết tật:

- Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm cho trẻ em khuyết tật được hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác.

- Trong mọi hành động liên quan tới trẻ em khuyết tật, lợi ích tốt nhất của trẻ phải được đặt lên hàng đầu.

- Các quốc gia thành viên bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền bày tỏ ý kiến một cách tự do về mọi vấn đề ảnh hưởng tới các em, ý kiến của trẻ em phải được cân nhắc thích đáng phù hợp với độ tuổi và sự trưởng thành của các em, trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác, bảo đảm cung cấp cho các em sự trợ giúp phù hợp với lứa tuổi và với tình trạng khuyết tật để các em thực hiện quyền đó.³

Chiến lược Incheon: Chiến lược Incheon được xây dựng dựa trên nguyên tắc của Công ước Liên hợp quốc về quyền của Người khuyết tật, đã được liên Chính phủ cùng các tổ chức người khuyết tật các nước Châu Á - Thái Bình Dương thông qua tháng 11/2012 tại Incheon, Hàn Quốc. Chiến lược Incheon là kim chỉ nam định hướng cho hành động quốc gia và khu vực trong thập kỷ mới. Việt Nam là quốc gia thành viên khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã thiết lập một tiến trình hợp tác khu vực nhằm cam kết thực hiện nâng cao chất lượng cuộc sống cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật.

Tuyên bố Jakarta về thực hiện quyền của Người khuyết tật được thông qua sau cuộc họp đánh giá Thập kỷ người khuyết tật khu vực châu Á - Thái Bình Dương, diễn ra từ ngày 19-21/10/2022 tại Jakarta. Tuyên bố gồm 6 nội dung chính: (1) Hải hòa hóa luật pháp quốc gia với Công ước về quyền của người

³ Điều 7 công ước của liên hợp quốc về quyền của Người khuyết tật

khuyết tật. (2) Thúc đẩy sự tham gia của người khuyết tật ở mọi lứa tuổi trong việc lập kế hoạch, thực hiện và ra quyết định chính trị. (3) Quan tâm đến các nhu cầu đặc biệt của người khuyết tật, trong đó có phụ nữ, trẻ em và người già khuyết tật để tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu. (4) Thúc đẩy sức mạnh của khu vực tư nhân để đảm bảo sự phát triển hòa nhập của người khuyết tật. (5) Thúc đẩy cách tiếp cận dựa trên nhu cầu về giới trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình liên quan đến người khuyết tật. (6) Hành động phải được thực hiện dựa trên thông tin của các tổ chức quốc gia có thẩm quyền và nguồn được công nhận khác, thu hẹp khoảng cách dữ liệu về người khuyết tật.

Khuyến nghị của Ủy ban quyền trẻ em của Liên hợp quốc năm 2022: Ủy ban đã đưa ra 61 khuyến nghị với Chính phủ Việt Nam, trong đó có khuyến nghị cụ thể liên quan đến trẻ em khuyết tật ⁴:

- Áp dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người đối với người khuyết tật và thiết lập một chiến lược toàn diện và hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, bao gồm việc sửa đổi luật về người khuyết tật để phù hợp với Công ước và Công ước về quyền của người khuyết tật;
- Thiết lập cơ chế giám sát để thực thi luật, quy định và chính sách bảo vệ các quyền của trẻ em khuyết tật, bao gồm cả quyền không bị phân biệt đối xử;
- Xây dựng một hệ thống hiệu quả để phát hiện, can thiệp và hỗ trợ sớm dành cho trẻ em khuyết tật, kể cả trẻ em khuyết tật tâm lý xã hội;
- Tăng cường các chiến dịch nâng cao nhận thức dành cho các quan chức chính phủ, gia đình và người dân nói chung nhằm chống lại sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật, bao gồm cả trẻ em gái và để quảng bá hình ảnh tích cực của trẻ em khuyết tật với tư cách là chủ thể về quyền.

2. Cơ sở chính trị

Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị khóa XIII về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm. Trong đó, Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tạo sự đồng bộ trong thực hiện chính sách, pháp luật; bảo đảm trẻ em phải là trung tâm của chính sách, chiến lược phát triển; được ưu tiên lồng ghép trong chiến lược, kế hoạch, mục tiêu phát triển quốc gia, ngành, địa phương; Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách nuôi dưỡng, chăm sóc sức

⁴ Khuyến nghị cuối cùng về Báo cáo quốc gia lần thứ năm và thứ sáu của Việt Nam (mục 37)

khỏe, giáo dục, vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch, tạo sự đồng bộ, phát triển liên tục từ những năm đầu đời đến khi trưởng thành của trẻ em, nhất là nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt”.

Nghị quyết số 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo khẳng định đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đối trường, đủ lớp, đủ giáo viên, đặc biệt ở vùng khó khăn và đối tượng yếu thế, bao Mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất một cơ sở giáo dục chuyên biệt đến cấp trung học phổ thông. Khuyến khích mô hình giáo dục hòa nhập giúp trẻ khuyết tật học cùng trẻ bình thường, được hỗ trợ theo nhu cầu cá nhân; Chính sách cho giáo viên và cơ sở giáo dục đặc thù: Ưu đãi phụ cấp tối thiểu 100% cho giáo viên vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số trong đó bao gồm các cơ sở giáo dục chuyên biệt; Xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam, tăng cường giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, phù hợp với khả năng, điều kiện của từng nhóm trẻ, trong đó có trẻ khuyết tật; Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục: Phát triển các nền tảng giáo dục thông minh, học liệu số hỗ trợ người học đặc biệt, tạo cơ hội học tập cho trẻ khuyết tật tại nhà hoặc qua thiết bị hỗ trợ.

Nghị quyết số 72-NQ/TW (2025) về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật: “Đặt người dân là trung tâm của chính sách y tế, đặc biệt ưu tiên trẻ em, người nghèo, người yếu thế và người khuyết tật; Phát triển y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu và phục hồi chức năng: củng cố hệ thống trạm y tế cấp xã, trung tâm phục hồi chức năng, cơ sở chăm sóc người khuyết tật và người cao tuổi. Bảo đảm đủ nhân lực, trang thiết bị để phát hiện, can thiệp sớm các khuyết tật thể chất và trí tuệ. Chăm sóc sức khỏe theo vòng đời: Tăng cường khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh, nhằm phát hiện sớm rối loạn, dị tật bẩm sinh. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho toàn dân, trong đó có trẻ em khuyết tật. Phát triển dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ cộng đồng: Kết hợp giữa cơ sở y tế và xã hội trong chăm sóc, phục hồi chức năng vận động, giao tiếp, tâm lý cho người khuyết tật. Mở rộng hệ thống cơ sở y tế, trung tâm phục hồi chức năng. Chính sách tài chính -bảo hiểm y tế: Thực hiện lộ trình miễn viện phí cơ bản cho đối tượng chính sách xã hội, người yếu thế và người khuyết tật. Mở rộng bảo hiểm y tế toàn dân và hỗ trợ đặc biệt cho nhóm khó khăn, đảm bảo mọi trẻ khuyết tật được tiếp cận chăm sóc y tế miễn phí hoặc có trợ cấp. Ứng dụng khoa học, công nghệ,

chuyển đổi số trong y tế: Xây dựng sổ sức khỏe điện tử cho mỗi người dân, giúp quản lý, theo dõi sức khỏe của trẻ em khuyết tật xuyên suốt quá trình phát triển.

Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh, chính sách cần chuyển mạnh sang mô hình xã hội – hòa nhập, ưu tiên phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, giáo dục hòa nhập, việc làm, hạ tầng tiếp cận và công nghệ trợ giúp⁵.

3. Cơ sở pháp lý

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 2013 ghi rõ “Nhà nước có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác”⁶; “Nhà nước tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề”.

Luật trẻ em số 102/2016/QH14 ngày 05/4/2016: Quy định trẻ em khuyết tật thuộc nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tại Điều 35 quy định cụ thể “Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của người khuyết tật theo quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đào tạo. Tại chương III về chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định: Bảo đảm về chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em (điều 42); Bảo đảm về chăm sóc sức khỏe trẻ em (điều 43) Bảo đảm về giáo dục trẻ em (điều 44); Bảo đảm về điều kiện vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, du lịch cho trẻ em (điều 45); Bảo đảm thông tin, truyền thông cho trẻ em (điều 46) và Chương IV về Bảo vệ trẻ em đã quy định các giải pháp phòng ngừa tình trạng trẻ em bị xâm hại bạo lực và các giải pháp can thiệp và hỗ trợ trẻ em khi cần thiết

Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010: Luật có quy định rõ: “Ưu tiên thực hiện chính sách bảo trợ xã hội và hỗ trợ người khuyết tật là trẻ em”; “Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, trẻ em khuyết tật; trẻ em sơ sinh để kịp thời có biện pháp điều trị và chỉnh hình, phục hồi chức năng phù hợp”; Người khuyết tật (bao gồm cả trẻ em khuyết tật) được gia đình, Nhà nước và xã hội giúp đỡ, chăm sóc, được tạo điều kiện để sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; trẻ em khuyết tật được nhận vào các lớp học hoà nhập, lớp học chuyên biệt dành cho trẻ em khuyết tật; được giúp đỡ học văn hoá, học nghề và tham gia hoạt động xã hội.

Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ Thị số 28- CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính Trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong đó

⁵ Thông báo số 444-TB/VPTW, 2025

⁶ Điều 61 Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

giao nhiệm vụ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây) nay là Bộ Y tế xây dựng Đề án “Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026-2030”.

Tóm lại từ Hiến pháp, đến các đạo luật, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án có liên quan đến người khuyết tật, trẻ em khuyết tật, đã thể hiện rõ quan điểm chủ chương của Đảng và nhà nước về công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. Tạo điều kiện tốt nhất cho các em thực hiện các quyền của mình theo quy định của pháp luật và dành sự quan tâm đặc biệt đến việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ xã hội, đặc biệt là dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và trợ giúp xã hội. Giúp các em tự tin hòa nhập xã hội và phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, tâm lý, tình cảm và xã hội.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Tình hình chung về trẻ em khuyết tật trên thế giới

Theo ước tính của World Health Organization, khoảng 16% dân số toàn cầu đang sống với ít nhất một dạng khuyết tật, trong đó trẻ em chiếm khoảng gần 1/4. Một bộ phận đáng kể đáng kể người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng có mức độ phụ thuộc cao và cần được hỗ trợ, chăm sóc dài hạn (WHO, 2023). Người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em khuyết tật thường gặp bất lợi chồng chéo về sức khỏe, giáo dục, học nghề, việc làm, tham gia các hoạt động xã hội và điều kiện kinh tế, nhất là đối với nhóm khuyết tật nặng và đặc biệt nặng (Tổng cục Thống kê, 2016).

Các nghiên cứu và khuyến nghị quốc tế nhấn mạnh rằng mức độ khuyết tật, tình trạng sức khỏe, nguyên nhân khuyết tật và điều kiện kinh tế là những yếu tố then chốt quyết định nhu cầu tiếp cận dịch vụ hỗ trợ đối với người khuyết tật (WHO, 2011; WHO & World Bank, 2018). Nhóm khuyết tật nặng, sức khỏe yếu và điều kiện kinh tế khó khăn thường cần các dịch vụ chăm sóc y tế, PHCN và bảo trợ xã hội ở mức cao và liên tục; trong khi nhóm khuyết tật nhẹ và sức khỏe ổn định có tiềm năng tiếp cận các dịch vụ tăng cường năng lực và hòa nhập xã hội như giáo dục, dạy nghề và việc làm (ILO, 2015; UNICEF, 2021).

Theo UNICEF hiện nay có khoảng 240 triệu trẻ em khuyết tật trên toàn cầu (10% dân số trẻ em thế giới) vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản trong tiếp cận giáo dục, y tế, bảo vệ và hòa nhập xã hội. Để ứng phó với tình trạng nêu trên UNICEF đã xây dựng Chiến lược 2022–2030 (DIPAS) nhằm đảm bảo mọi trẻ em khuyết tật được sống, học tập và phát triển trong môi trường không rào cản, được tham gia bình đẳng vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Tầm nhìn đến năm

2030 là xây dựng “cộng đồng hòa nhập – không rào cản”, nơi trẻ em khuyết tật được hỗ trợ và có cơ hội phát huy toàn bộ tiềm năng.

2. Tình hình về trẻ em khuyết tật Việt Nam

2.1. Số lượng, tỷ lệ trẻ em khuyết tật

Theo kết quả điều tra người khuyết tật (VDS) 2023, trên cả nước tỷ lệ khuyết tật của người từ 2 tuổi trở lên năm 2023 là 6,11%, giảm 0,95 điểm phần trăm so với năm 2016, trong đó, trẻ em từ 2-17 tuổi khuyết tật là 1,98 % tương đương với 672.000 trẻ em⁷.

Tỷ lệ khuyết tật này ở khu vực nông thôn cao hơn so với khu vực thành thị (6,89% so với 4,78%). Xét theo vùng kinh tế – xã hội, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung là 2 vùng có tỷ lệ khuyết tật của người từ 2 tuổi trở lên cao nhất lần lượt là 7,54% và 7,52%, vùng Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ khuyết tật của người từ 2 tuổi trở lên thấp nhất cả nước với 3,62% (*Biểu đồ hình 1- Phụ lục 1*).

Năm 2023, tỷ lệ khuyết tật của trẻ em từ 2-17 tuổi của cả nước là 1,98%, trong đó, tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 2-4 tuổi là 4,44% (ở nhóm tuổi này khuyết tật về thần kinh có tỷ lệ cao nhất với 3,92%) và tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 5-17 tuổi là 1,51%. So với năm 2016, tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 2-17 tuổi giảm 0,81 điểm phần trăm; tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 2-4 tuổi tăng 1,7 điểm phần trăm; và tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 5-17 tuổi giảm 1,29 điểm phần trăm. (*Biểu đồ hình 2- Phụ lục 1*).

Kết quả VDS 2023 cho thấy, tỷ lệ khuyết tật của trẻ em từ 2-15 tuổi là 2,09%, giảm 0,93 điểm phần trăm so với năm 2016. Trong đó, tỷ lệ khuyết tật của trẻ từ 5-15 tuổi là 1,56%, giảm 1,55 điểm phần trăm so với năm 2016 (*Biểu đồ hình 3- Phụ lục 1*).

Tỷ lệ khuyết tật của người từ 16 tuổi trở lên năm 2023 của cả nước là 7,31%. Tỷ lệ này ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị (8,36% so với 5,59%). Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là vùng có tỷ lệ khuyết tật của người từ 16 tuổi trở lên cao nhất cả nước với 9,1%.

Năm 2023, có sự khác biệt về tỷ lệ người khuyết tật chia theo chức năng giữa các nhóm tuổi. Cụ thể, ở nhóm tuổi từ 16 tuổi trở lên có tỷ lệ người khuyết tật về vận động thân dưới là cao nhất (5,20%). Trong khi đó, ở trẻ em 2-4 tuổi và trẻ em 5-15 tuổi, tỷ lệ khuyết tật về thần kinh là cao nhất lần lượt là 3,92% và 1,05%, (*Bảng 1*).

⁷ Khảo sát về người khuyết tật 2023- Cục Thống kê

Bảng 1. Tỷ lệ người khuyết tật chia theo chức năng và nhóm tuổi 2023(%)

	Từ 2-4 tuổi	Từ 5-15 tuổi	Từ 16 tuổi trở lên
Chung	4,44	1,56	7,31
<i>Trong đó</i>			
Nhìn	0,01	0,09	1,14
Nghe	0,12	0,19	2,21
Vận động thân dưới	0,30	0,44	5,20
Nhận thức	0,34	0,59	2,68
Giao tiếp	0,62	0,47	1,10
Tự chăm sóc	NA ⁸	0,48	1,51
Vận động thân trên	0,13	NA ⁹	2,34
Thần kinh	3,92	1,05	0,48
Từ hai chức năng trở lên	0,38	0,64	3,65

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

2.2. Giáo dục của trẻ em khuyết tật

Theo kết quả tính toán từ VDS 2023, tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em khuyết tật ở cả 3 cấp học phổ thông đều giảm so với năm 2016, trong đó giảm mạnh nhất ở cấp tiểu học và THCS lần lượt giảm 13,6 và 14,4 điểm phần trăm, cấp trung học phổ thông (sau đây viết gọn là THPT) giảm nhẹ với 2,8 điểm phần trăm. Qua đó cho thấy, trẻ em khuyết tật rất khó có thể theo học cùng với trẻ em có cùng độ tuổi mà thường đi học chậm hơn.

Ở cấp tiểu học, tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em khuyết tật là 68,1%, thấp hơn 27,1 điểm phần trăm so với tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của trẻ em không khuyết tật (95,2%). So với năm 2016, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học của trẻ khuyết tật giảm 13,6 điểm phần trăm, của trẻ không khuyết tật giảm 0,9 điểm phần trăm.

Ở cấp THCS, tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em khuyết tật là 53,0%, thấp hơn 37 điểm phần trăm so với tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em không khuyết tật (90,0%). So với năm 2016, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp THCS của trẻ khuyết tật giảm 14,4 điểm phần trăm, của trẻ không khuyết tật tăng 1,4 điểm phần trăm.

Ở cấp THPT, tỷ lệ đi học đúng tuổi có sự chênh lệch lớn giữa nhóm trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật. Theo kết quả VDS 2023, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp THPT ở trẻ em khuyết tật là 30,8%, thấp hơn 45,8 điểm phần trăm so với tỷ lệ này ở trẻ em không khuyết tật. So với năm 2016, tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp THPT của trẻ khuyết tật giảm 2,8 điểm phần trăm, của trẻ không khuyết tật tăng 7,9 điểm phần trăm (*Biểu đồ hình 4- Phụ lục 1*).

Khi được hỏi về giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật trong VDS 2023, có 31% người trả lời cho rằng nên cho trẻ khuyết tật đi học chung với trẻ em bình thường; có 16,3% người trả lời cho rằng nên cho trẻ em khuyết tật học ở các trường/lớp chuyên biệt; có 48,8% người trả lời cho rằng tùy thuộc vào loại khuyết tật và mức độ khuyết tật để quyết định trẻ em khuyết tật nên học ở trường/lớp nào và 3,9% người trả lời không biết hoặc không đưa ra quan điểm.

So với năm 2016, tỷ lệ người trả lời ủng hộ quan điểm tùy thuộc vào loại khuyết tật và mức độ khuyết tật để quyết định trẻ em khuyết tật nên học ở trường/lớp nào có xu hướng tăng lên. Cụ thể, tỷ lệ này năm 2023 là 48,8%, cao hơn 20 điểm phần trăm so với năm 2016 (28,8%). Trong khi đó, tỷ lệ người trả lời đồng ý với quan điểm trẻ khuyết tật nên cho đi học chung với trẻ em không khuyết tật và quan điểm nên cho trẻ em khuyết tật học ở các trường/lớp chuyên biệt đều giảm, tương đương giảm 11,7 điểm phần trăm và 7,7 điểm phần trăm.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, tỷ lệ người ủng hộ quan điểm tùy thuộc vào loại khuyết tật và mức độ khuyết tật để quyết định trẻ em khuyết tật nên học ở trường/lớp nào cao nhất ở cả khu vực thành thị và nông thôn (lần lượt là 51% và 47,5%). Trong khi đó, tỷ lệ người trả lời cho rằng trẻ khuyết tật nên cho đi học chung với trẻ em không khuyết tật chỉ chiếm 27,8% ở khu vực thành thị và 32,9% ở khu vực nông thôn. Xu hướng này tương tự ở các vùng, trừ vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ người trả lời cho rằng trẻ khuyết tật nên cho đi học chung với trẻ em không khuyết tật và ý kiến cho rằng tùy thuộc vào loại khuyết tật và mức độ khuyết tật để quyết định trẻ em khuyết tật nên học ở trường/lớp nào là tương đương nhau (*Bảng 2*).

Bảng 2. Quan điểm của người trả lời về trường, lớp trẻ khuyết tật nên theo học chia theo khu vực thành thị, nông thôn và vùng năm 2023

Đơn vị tính: %					
	Chung	Đi học với trẻ em khác	Đi học trường, lớp chuyên biệt	Tùy thuộc vào mức độ khuyết tật để quyết định	Không biết hoặc từ chối trả lời
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
Cả nước	100,0	31,0	16,3	48,8	3,9
Khu vực					
Thành thị	100,0	27,8	17,9	51,0	3,3
Nông thôn	100,0	32,9	15,4	47,5	4,3
Vùng					
Đồng bằng sông Hồng	100,0	21,2	18,9	57,1	2,8
Trung du và miền núi phía Bắc	100,0	34,5	13,5	48,1	3,9
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	100,0	31,0	15,5	49,8	3,6
Tây Nguyên	100,0	36,5	17,3	42,7	3,5
Đông Nam Bộ	100,0	33,6	13,0	48,7	4,8
Đồng bằng sông Cửu Long	100,0	39,0	17,3	38,6	5,2

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

2.3. Trường học phù hợp với trẻ em khuyết tật

Số trường học có học sinh khuyết tật trong năm 2023 tăng so với năm 2016 và không có chênh lệch nhiều giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Tuy nhiên, có sự khác biệt giữa các vùng kinh tế – xã hội về số trường học có học sinh khuyết tật và số học sinh khuyết tật bình quân 1 trường học.

Trong năm 2023, cả nước có 79,6% trường học có học sinh khuyết tật, tăng 8,2 điểm phần trăm so với năm 2016 (71,4%). Tỷ lệ trường học có học sinh khuyết tật ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn tương đương với nhau, nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa các vùng. Tỷ lệ này ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 90,2%, trong khi đó ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long chỉ là 58,8%.

Năm 2023, số học sinh khuyết tật bình quân trong một trường học là 9 học sinh. Con số này tại các trường ở khu vực thành thị cao hơn các trường ở khu vực nông thôn (12 học sinh so với 7 học sinh). So với năm 2016, số học sinh khuyết tật bình quân trong một trường học năm 2023 có cao hơn nhưng không đáng kể (năm 2016 là 8 học sinh), trong đó khu vực thành thị là 11 học sinh và khu vực nông thôn là 6 học sinh (Bảng 3).

**Bảng 3. Học sinh khuyết tật trong trường học
theo khu vực thành thị, nông thôn và vùng năm 2023**

<i>A</i>	Tỷ lệ trường có học sinh là người khuyết tật (%)	Số học sinh khuyết tật bình quân một trường (Người)
	<i>1</i>	<i>2</i>
Chung	79,6	9
Khu vực		
Thành thị	79,6	12
Nông thôn	79,7	7
Vùng		
Đồng bằng sông Hồng	87,7	13
Trung du và miền núi phía Bắc	90,2	8
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	84,1	6
Tây Nguyên	76,9	6
Đông Nam Bộ	79,6	12
Đồng bằng sông Cửu Long	58,8	11

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

2.4. Tiếp cận dịch vụ y tế và Trạm y tế xã

Mặc dù không có số liệu riêng về TEKT có thể bảo hiểm y tế và tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, nhưng qua tư liệu về tiếp cận dịch vụ y tế của NKT nói chung cũng cho thấy việc chăm sóc sức khỏe của TEKT cũng được quan tâm từ khâu phòng ngừa, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng. Điều tra VDS 2023 cho thấy tỷ lệ NKT có BHYT đạt 95,7%, cao hơn cả nhóm không khuyết tật (92,5%).

Về tiếp cận dịch vụ y tế: Theo kết quả điều tra NKT 2023: Hầu hết người khuyết tật bị ốm/bệnh, chấn thương hoặc có sử dụng dịch vụ y tế trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm điều tra (91,5%). Tỷ lệ này ở người không khuyết tật thấp hơn khoảng 18 điểm phần trăm. Có sự khác biệt đáng kể giữa người khuyết tật và không khuyết tật trong sử dụng dịch vụ y tế: Khám bệnh (69,4% so với 51,1%), điều trị bệnh (57,4% so với 36,5%) và phục hồi chức năng (2,3% so với 0,3%)

Các chương trình Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tiêm chủng mở rộng, đã được lồng ghép với mục tiêu phòng ngừa khuyết tật bẩm sinh, nhằm góp phần giảm tỷ lệ trẻ em sinh ra bị khuyết tật.

Việc phục hồi chức năng cho NKT nói chung và TEKT nói riêng cũng được quan tâm thông qua việc hình thành các khoa phục hồi chức năng tại các bệnh viện, trung tâm chỉnh hình phục hồi chức năng và triển khai mô hình phục

hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR) được triển khai ở nhiều tỉnh, giúp NKT cải thiện khả năng tự chăm sóc và hòa nhập xã hội⁸

Về Trạm y tế xã: Kết quả VDS 2023 cho thấy, việc tạo điều kiện về hạ tầng phục vụ chăm sóc người khuyết tật cũng đã được chính quyền cấp xã quan tâm hơn, thể hiện qua tỷ lệ TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật cao hơn so với kết quả điều tra năm 2016. Trong năm 2023, có 24,8% TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật theo cả 2 tiêu chí, gồm: (1) TYTX có lối đi, đường dốc dành cho người khuyết tật và (2) TYTX có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp với người khuyết tật. Tỷ lệ TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị (25,9% so với 22,8%). Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tỷ lệ TYTX được thiết kế phù hợp với người khuyết tật cao nhất (37,3%), thấp nhất là vùng Tây Nguyên (16,9%).

Xét theo từng tiêu chí, có 55,3% số TYTX có lối đi, đường dốc dành cho người khuyết tật và có 29,3% số TYTX có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp cho người khuyết tật (Bảng 4).

Bảng 4. Tỷ lệ trạm Y tế thiết kế phù hợp với người khuyết tật chia theo khu vực thành thị, nông thôn và vùng năm 2023

<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tỷ lệ trạm Y tế thiết kế phù hợp với người khuyết tật	Tỷ lệ trạm Y tế có lối đi, đường dốc dành cho người khuyết tật	Tỷ lệ trạm Y tế có công trình vệ sinh thiết kế phù hợp cho người khuyết tật
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Chung	24,8	55,3	29,3
Khu vực			
Thành thị	22,8	54,4	26,8
Nông thôn	25,9	55,8	30,7
Vùng			
Đồng bằng sông Hồng	20,8	45,8	27,2
Trung du và miền núi phía Bắc	18,0	42,2	24,5
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	25,0	55,4	28,4
Tây Nguyên	16,9	50,7	21,7
Đông Nam Bộ	27,5	71,5	29,8
Đồng bằng sông Cửu Long	37,3	70,7	40,9

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

⁸ Tiếp cận y tế cho người khuyết tật tại Việt Nam dưới góc nhìn pháp luật và thực tiễn. Nguyễn Hồng Thái (2025)

2.5. Tiếp cận công nghệ thông tin

Theo kết quả điều tra năm 2023, việc tiếp cận công nghệ thông tin đối với người khuyết tật tăng lên đáng kể so với năm 2016, tuy nhiên, vẫn còn khoảng cách giữa khu vực thành thị và nông thôn, cũng như giữa nam và nữ, cụ thể như sau:

Tỷ lệ người khuyết tật có truy cập internet năm 2023 là 33,6% cao hơn nhiều so với năm 2016 chỉ là 6,7%. Tuy nhiên, có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ truy cập internet giữa người khuyết tật và không khuyết tật (năm 2023 là 33,6% so với 83,7% và năm 2016 là 6,7% so với 42,9%). Đồng thời, có sự chênh lệch về tỷ lệ truy cập internet của người khuyết tật chia theo thành thị, nông thôn (40,1% với 31,0%) và chia theo giới tính (29,6% ở nam và 39,3% ở nữ) (*Biểu đồ hình 5- Phụ lục 1*).

Tỷ lệ người khuyết tật có điện thoại di động năm 2023 là 53,7% cao hơn so với năm 2016 là 38,9%. Tuy nhiên, có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ có điện thoại di động giữa người khuyết tật và không khuyết tật (năm 2023 là 53,7% so với 89,2% và năm 2016 là 38,9% so với 73,1%). Bên cạnh đó, có sự khác biệt ở tỷ lệ người khuyết tật có điện thoại di động chia theo giới tính (49,9% ở nam và 59,1% ở nữ); (*Biểu đồ hình 6- Phụ lục 1*).

2.6. Trợ cấp xã hội và xác nhận khuyết tật

Trợ cấp xã hội và xác nhận khuyết tật trong năm 2023 tăng so với năm 2016, điều đó minh chứng cho việc ngày càng thực hiện hiệu quả hơn các chính sách đối với người khuyết tật.

Trong năm 2023, có 43,4% người khuyết tật được nhận trợ cấp hàng tháng, tăng 3,1 điểm phần trăm so với năm 2016 (40,3%). Tỷ lệ người khuyết tật ở khu vực nông thôn nhận được trợ cấp hàng tháng cao hơn khu vực thành thị (45,8% so với 37,6%), tỷ lệ người khuyết tật là nữ nhận được trợ cấp hàng tháng cao hơn nam (tương ứng 44% so với 42,7%) và tỷ lệ người khuyết tật là dân tộc Kinh/Hoa nhận được trợ cấp hàng tháng cao hơn dân tộc khác (44,2% so với 38,1

Tỷ lệ người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật và được xác định là người khuyết tật trong VDS 2023 là 69,6%, tăng 2,4 điểm phần trăm so với năm 2016 (67,2%). Không có quá nhiều sự khác biệt về tỷ lệ này giữa khu vực thành thị (70,6%) và khu vực nông thôn (69,3%).

2.7. Tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em

Nguồn thông tin và số liệu về trẻ em khuyết tật cả nước tiếp cận dịch vụ bảo vệ trẻ em rất hạn chế, do cơ sở dữ liệu về vấn đề này chưa được quan tâm

đúng mức, nhưng qua khảo sát năm 2023 của Cục trẻ em về dịch vụ bảo vệ trẻ em thì cả nước có hàng trăm cơ sở cung cấp dịch vụ cho trẻ em tự kỷ, trẻ em thiểu năng trí tuệ và trẻ em khuyết tật. Trẻ em tự kỷ, rối nhiễu tâm trí được trị liệu tâm lý xã hội, gia đình trẻ được tư vấn, tham vấn về cách thức chăm sóc bảo vệ trẻ. Các vụ việc trẻ em bị bạo lực, xâm hại được phát hiện bị sang chấn tâm lý đều được can thiệp kịp thời và được trị liệu tâm lý xã hội phục hồi tâm lý.

3. Kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025.

Theo báo cáo số 22/BC- BYT ngày 7/01/2026 về Tổng kết thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025 thì hầu hết các mục tiêu của đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng đều đạt và vượt, cụ thể như sau:

Mục tiêu 1 về tỷ lệ trẻ khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc, giáo dục và bảo vệ tại cộng đồng (mục tiêu 90%, nhiều tỉnh đạt và vượt)

Mục tiêu 2 về tỷ lệ trẻ em khuyết tật được cung cấp kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng (mục tiêu 70%, nhiều tỉnh đạt và vượt)

Mục tiêu 3 về tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật được cung cấp kiến thức, kỹ năng hỗ trợ (đạt 90% cao hơn 10% so với mục tiêu đề ra 80%)

Mục tiêu 4 về tỷ lệ cán bộ tại cơ sở cung cấp dịch vụ được cung cấp kiến thức, kỹ năng đạt 90% (mục tiêu đặt ra là 90%)

Mục tiêu 5 về việc thiết lập mạng lưới liên kết dịch vụ và mô hình thí điểm đã được chú trọng triển khai, với nhiều địa phương đạt 90% - 100%

Tuy vậy, các mục tiêu đặt ra vẫn nặng về đánh giá các yếu tố đầu vào, chỉ có duy nhất một mục tiêu về kết quả (mục tiêu 1). Việc đo lường kết quả lại mang tính tích hợp, thiếu cụ thể, chưa thể hiện rõ kết quả tiếp cận trong từng lĩnh vực dịch vụ bảo vệ, y tế, giáo dục. Các vấn đề về chất lượng dịch vụ, tính công bằng trong việc tiếp cận dịch vụ, hiệu quả và tác động cũng chưa được đánh giá đầy đủ.

Lĩnh vực y tế: Các chính sách và chương trình tập trung bảo đảm quyền tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí hoặc hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho TEKT; Bộ Y tế ban hành Quyết định hướng dẫn chuyên môn về phát hiện sớm, can thiệp sớm TEKT, qua đó đã đẩy mạnh sàng lọc, phát hiện sớm, can thiệp sớm và phục hồi chức năng, hướng tới mục tiêu giảm thiểu mức độ khuyết tật và nâng cao khả năng hòa nhập của

TEKT. Chỉ đạo ưu tiên chăm sóc sức khỏe, can thiệp sớm và phục hồi chức năng cho TEKT; triển khai mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng

Ngành Y tế đã tập trung phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, can thiệp sớm và phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật theo hướng dựa vào cộng đồng, lấy tuyến y tế cơ sở làm nền tảng. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em khuyết tật được lồng ghép trong các chương trình y tế thường xuyên, bao gồm khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng phòng bệnh, điều trị các bệnh lý thông thường, tư vấn chăm sóc tại gia đình và chuyển tuyến điều trị chuyên sâu khi cần thiết.

Hoạt động can thiệp sớm và phục hồi chức năng từng bước được chuẩn hóa thông qua việc ban hành và phổ biến tài liệu hướng dẫn phát hiện sớm – can thiệp sớm khuyết tật trẻ em, góp phần hệ thống hóa quy trình từ nhận biết sớm, sàng lọc, chẩn đoán đến can thiệp và theo dõi lâu dài. Một số địa phương đã triển khai các hình thức can thiệp đa dạng, kết hợp vận động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu và hoạt động trị liệu, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở.

Mạng lưới phục hồi chức năng cho trẻ em tại cộng đồng tiếp tục được kiện toàn; đội ngũ cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản và giáo viên mầm non được tập huấn các kỹ năng cơ bản về phục hồi chức năng tại gia đình, qua đó góp phần nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của trẻ em khuyết tật, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi.

Bên cạnh đó, các cơ sở y tế có liên quan đã từng bước được đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ phục hồi chức năng; một số mô hình chăm sóc sức khỏe theo chuyên ngành được thí điểm triển khai. Tuy nhiên, việc chi trả của bảo hiểm y tế hiện vẫn chủ yếu tập trung vào điều trị bệnh thông thường, chưa bao phủ đầy đủ các thuốc đặc trị, dịch vụ phục hồi chức năng chuyên sâu và chi phí đi lại, điều trị trên đối với trẻ em khuyết tật nặng.

Lĩnh vực giáo dục: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, ban hành các văn bản chuyên ngành quan trọng như Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT về tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật. Các quy định này là cơ sở để triển

khai giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt một cách có hệ thống, phù hợp với nhu cầu đa dạng của TEKT.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung chuẩn hóa hệ thống giáo dục đặc biệt và giáo dục hòa nhập; chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) cho học sinh khuyết tật; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên.

Dịch vụ giáo dục hòa nhập và hỗ trợ giáo dục

Công tác phát triển dịch vụ giáo dục đối với trẻ em khuyết tật được triển khai theo hướng bảo đảm quyền được học tập, tăng cường giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Các chính sách hỗ trợ học sinh khuyết tật được thực hiện tương đối đồng bộ, tạo điều kiện để trẻ em khuyết tật có khả năng và nhu cầu học tập được đến trường và tham gia học tập cùng bạn bè.

Theo các kết quả điều tra, khảo sát gần đây, tỷ lệ trẻ em khuyết tật trong độ tuổi tiểu học được đi học đúng độ tuổi đạt mức tương đối cao, phản ánh nỗ lực của ngành Giáo dục và Đào tạo trong công tác vận động, hỗ trợ và tổ chức giáo dục hòa nhập. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tại các cơ sở giáo dục hòa nhập được tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về giáo dục đặc biệt; nhiều giáo viên thể hiện tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật từng bước được triển khai tại các cơ sở giáo dục, gắn với việc điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá phù hợp với khả năng của từng trẻ; đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật.

Bên cạnh đó, ngành Giáo dục đã từng bước phát triển các chương trình, học liệu hỗ trợ học sinh khuyết tật, như đào tạo ngôn ngữ ký hiệu cho người khiếm thính, xây dựng học liệu bằng ngôn ngữ ký hiệu cho học sinh tiểu học, chuyển đổi một số sách giáo khoa sang chữ nổi Braille cho học sinh khiếm thị. Tuy nhiên, việc triển khai giáo dục hòa nhập giữa các địa phương còn chưa đồng đều; ở các cấp học cao hơn, học sinh khuyết tật vẫn gặp nhiều khó khăn trong hòa nhập, tiềm ẩn nguy cơ bỏ học.

Lĩnh vực trợ giúp xã hội và an sinh xã hội: Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP quy định chi tiết chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng cho TEKT theo mức độ khuyết tật, đồng thời bổ sung các chính sách hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo trợ xã hội khác, tạo nền tảng bảo đảm mức sống tối thiểu cho TEKT có hoàn cảnh đặc biệt.

Trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ khác

Hệ thống trợ giúp xã hội cho người khuyết tật, trong đó có trẻ em khuyết tật, tiếp tục được duy trì và mở rộng. Hiện nay, phần lớn trẻ em khuyết tật nặng và đặc biệt nặng thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định; mức chuẩn trợ giúp xã hội được điều chỉnh theo các nghị định mới, góp phần cải thiện điều kiện sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản của trẻ em khuyết tật.

Mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội được phát triển trên phạm vi cả nước, ưu tiên chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; tuy nhiên, khả năng đáp ứng mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu thực tế, chủ yếu tập trung vào các nhóm đối tượng đặc thù.

Công tác trợ giúp pháp lý cho trẻ em khuyết tật được các địa phương quan tâm triển khai với nhiều hình thức như tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng. Các vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến trẻ em luôn được ưu tiên giải quyết, bảo đảm chất lượng và quyền lợi hợp pháp của trẻ; tỷ lệ trẻ em khuyết tật được tiếp cận trợ giúp pháp lý có xu hướng tăng qua các năm.

Đánh giá chung việc thực hiện Đề án

a) Ưu điểm

Quá trình triển khai Quyết định 1438/QĐ-TTg về hỗ trợ trẻ em khuyết tật (TEKT) giai đoạn 2018-2025 đã đạt được những thành tựu quan trọng và tạo ra các tiền đề thuận lợi, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Chính phủ đối với nhóm đối tượng này.

Quyết định 1438/QĐ-TTg được triển khai trong bối cảnh khung pháp lý tương đối hoàn thiện, với sự đồng bộ giữa Luật Trẻ em và Luật Người khuyết tật, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục TEKT.

Công tác chỉ đạo triển khai mang tính liên ngành cao, với sự tham gia chủ động của các Bộ ngành cốt lõi như Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Điều này đảm bảo tính toàn diện của các dịch vụ từ phòng ngừa, can thiệp sớm, phục hồi chức năng đến giáo dục hòa nhập và truyền thông.

Quyết định 1438/QĐ-TTg đã xác định các chỉ tiêu định lượng cụ thể giúp các địa phương có cơ sở rõ ràng để xây dựng kế hoạch và đánh giá kết quả, nâng cao trách nhiệm giải trình. Việc thực hiện các chỉ tiêu tại nhiều địa phương đã đạt và vượt mức mục tiêu toàn quốc. Các địa phương đã chủ động triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình dịch vụ hỗ trợ TEKT, thể hiện sự đa dạng hóa và sáng tạo trong cung cấp dịch vụ chuyên sâu tại cộng đồng.

Công tác truyền thông, giáo dục và vận động xã hội được tăng cường, góp phần đáng kể vào việc thay đổi nhận thức, giảm kỳ thị và nâng cao trách nhiệm của gia đình, cộng đồng đối với TEKT, từ thái độ mặc cảm, che giấu sang chủ động tìm kiếm và tiếp cận dịch vụ can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập. Tỷ lệ TEKT được tiếp cận giáo dục (đặc biệt ở cấp tiểu học) đã tăng đáng kể, thể hiện hiệu quả của công tác truyền thông, vận động hòa nhập.

Nhiều tỉnh/thành phố đã thể hiện tính chủ động cao, vượt chính sách chung bằng việc nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội hoặc hỗ trợ chi phí can thiệp sớm, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho TEKT được tiếp cận dịch vụ chất lượng.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội, chính trị - xã hội đã tạo ra nguồn lực hỗ trợ dồi dào. Xã hội hóa và Nguồn lực: Các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên), cùng với các tổ chức xã hội (Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật, các tổ chức phi chính phủ) đã tích cực tham gia tuyên truyền, vận động, gây quỹ và trực tiếp hỗ trợ cung cấp dịch vụ chuyên biệt, cung cấp dụng cụ trợ giúp và tạo sinh kế cho gia đình TEKT, góp phần đa dạng hóa và giảm tải cho hệ thống công lập.

b) Hạn chế và khó khăn.

Việc triển khai Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật (TEKT) giai đoạn 2018-2025 đã đạt nhiều kết quả tích cực, nhưng vẫn gặp phải các khó khăn, thách thức chủ yếu liên quan đến nguồn lực, cơ chế quản lý và tính đồng bộ trong thực thi chính sách, ảnh hưởng đến tính bền vững và hiệu quả của việc thực hiện các mục tiêu Đề án.

Thứ nhất, về nguồn lực tài chính và cơ chế phân bổ ngân sách, đây là thách thức lớn nhất do không có nguồn kinh phí riêng biệt từ Ngân sách Trung ương được bố trí cho Đề án. Thay vào đó, các địa phương chủ yếu lồng ghép kinh phí vào các chương trình/đề án liên quan khác..., điều này gây khó khăn trong việc đảm bảo tính chủ động, ổn định trong triển khai các hoạt động. Hơn nữa, việc chăm sóc và can thiệp cho TEKT thường đòi hỏi thời gian dài và chi phí cao, tạo gánh nặng tài chính lớn cho các gia đình có điều kiện kinh tế hết sức khó khăn.

Thứ hai, về chất lượng nguồn nhân lực và năng lực chuyên môn, đội ngũ cán bộ thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (nhất là cấp cơ sở) chủ yếu là kiêm nhiệm nhiều công việc, dẫn đến sự thay đổi thường xuyên và thiếu kinh nghiệm. Cán bộ, giáo viên và nhân viên y tế tại cơ sở còn thiếu kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm chuyên sâu để cung cấp dịch vụ và can thiệp cho TEKT.... Đặc biệt, tại nhiều địa phương, đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội tại cơ sở không còn được duy trì do không có chế độ hỗ trợ phụ cấp hằng tháng. Nhiều

địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, thiếu cán bộ chuyên môn được đào tạo bài bản và nguồn kinh phí ổn định cho các hoạt động can thiệp sớm và phục hồi chức năng chuyên sâu.

Thứ ba, về hạn chế trong tiếp cận dịch vụ và rào cản xã hội, các dịch vụ y tế chuyên khoa sâu (như bác sĩ giỏi, trang thiết bị đa dạng) thường tập trung ở cấp tỉnh, cấp trung ương, gây khó khăn cho TEKTS sống ở khu vực nông thôn.... Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cho học sinh khuyết tật học hòa nhập tại nhiều trường học còn hạn chế và chưa đảm bảo.... Mạng lưới liên kết dịch vụ tại cộng đồng chưa được thiết lập đồng bộ và hiệu quả tại tất cả các tỉnh. Khả năng tiếp cận các dịch vụ chuyên sâu (trị liệu ngôn ngữ, hoạt động trị liệu) còn rất hạn chế, đặc biệt ở tuyến xã/phường. Về mặt chính sách, việc xác định mức độ khuyết tật còn chưa chính xác và cụ thể, khiến nhiều trẻ gặp khó khăn, thậm chí không được hưởng chính sách trợ cấp xã hội. Ngoài ra, một bộ phận cha mẹ không nắm rõ các chính sách hỗ trợ và tâm lý mặc cảm, tự ti vẫn tồn tại trong cộng đồng và gia đình..., làm giảm cơ hội hòa nhập cho trẻ.

Thứ tư, thiếu đồng bộ số liệu: Tồn tại sự chênh lệch lớn giữa số liệu TEKTS trong hồ sơ quản lý hành chính của địa phương và số liệu điều tra quốc gia (VDS 2023). Điều này gây khó khăn trong việc xác định chính xác quy mô đối tượng và phân bổ ngân sách theo nhu cầu thực tế. Khái niệm "khuyết tật" trong quản lý hành chính chủ yếu tập trung vào đối tượng thụ hưởng trợ cấp, loại trừ những trẻ em đã được phát hiện nhưng chưa có hồ sơ pháp lý, dẫn đến sự thiếu bao phủ.

Thứ 5, tồn tại sự chưa đồng đều rõ rệt trong kết quả thực hiện chỉ tiêu giữa các địa phương. Các thành phố lớn đạt mức bao phủ 90%-100% tất cả các chỉ tiêu (ví dụ: Hà Nội, TP.HCM), trong khi nhiều tỉnh còn lại đạt kết quả thấp hơn, đặc biệt trong các chỉ tiêu về cung cấp kiến thức và kỹ năng hòa nhập (ví dụ: Hà Tĩnh 46%, Lào Cai, Lai Châu 50% cho chỉ tiêu số 2).

Việc khắc phục những khó khăn này đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, đơn giản hóa thủ tục hành chính, và tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, tài chính cho các địa phương còn nhiều thách thức.

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Về lĩnh vực Y tế: Các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Điển, Vương quốc Anh...Đều rất quan tâm đến việc các hoạt động khám sàng lọc phát hiện sớm, can thiệp sớm, nhằm giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật, điều này hoàn toàn phù hợp với Thông báo số 444 về kết luận của Tổng Bí thư Đảng cộng

sản Việt Nam. Bên cạnh đó là các hoạt động phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, trợ giúp trẻ em khuyết tật với các hình thức hỗ trợ: xe lăn, máy trợ thính

Ở Việt Nam một số chương trình Đề án liên quan đến người khuyết tật, người tâm thần, trẻ em rối nhiễu tâm trí trước năm 2025 do các bộ ngành chỉ đạo cũng đã triển khai nhiều mô hình hỗ trợ trẻ em khuyết tật. Các hoạt động trợ giúp TEKT bao gồm: (1) Hỗ trợ tiếp cận dịch vụ y tế: sàng lọc phát hiện sớm, hỗ trợ can thiệp sớm và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; (2) trợ giúp giáo dục: giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt; (3) trợ giúp hướng nghiệp, học nghề, lao động trị liệu; (4)Trợ giúp về sinh kế và văn hóa, thể thao; (5) phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội làm nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục phục hồi chức năng đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Tuy nhiên do nguồn lực của các chương trình, Đề án có hạn nên các hoạt động nêu trên chưa được bao phủ trên phạm vi cả nước.

Về Lĩnh vực giáo dục: Hầu hết các nước phát triển cũng như Việt Nam đều quan tâm đến hai hình thức giáo dục đối với trẻ em khuyết tật đó là giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập. Bên cạnh các trường lớp chuyên biệt dành cho trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng (trường lớp dành cho trẻ em khiếm thị đặc biệt nặng) thì việc phát triển các mô hình giáo dục hòa nhập cũng được quan tâm. Việc phát triển mô hình trường học không rào cản, nâng cao năng lực, kỹ năng dạy trẻ khuyết tật cho giáo viên, hỗ trợ tài chính, chi phí, huy động nguồn lực từ nhà nước, cộng đồng tài trợ, hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật.

Về lĩnh vực bảo trợ xã hội, an sinh xã hội:

Các hoạt động truyền thông tư vấn tâm lý cho phụ huynh, Các chiến dịch truyền thông xóa rào cản và giảm kỳ thị cho trẻ em khuyết tật, đào tạo kỹ năng hướng nghiệp cho trẻ khuyết tật lớn và có khả năng tham gia vào thị trường lao động trong tương lai.

Việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về người khuyết tật, trẻ em khuyết tật đã được ứng dụng công nghệ số và lồng ghép trong dữ liệu quản lý dân cư. Hầu hết người khuyết tật đều được cấp xây chứng nhận mức độ khuyết tật và dựa vào giấy chứng nhận mức độ khuyết tật mà các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội có những ưu tiên hoặc nhà nước có chính sách hỗ trợ dành cho trẻ em khuyết tật. Trẻ em khuyết tật g thị giác ở mức nhẹ và trung bình có thể được bố trí chỗ ngồi học phù hợp (kinh nghiệm của Hàn Quốc); khuyết tật về thính giác thì có thể được hỗ trợ máy trợ thính...Việt Nam chia mức độ khuyết theo 4 cấp độ, nhưng Nhật Bản chia mức độ khuyết tật theo 6 cấp độ khác nhau từ nhẹ đến nặng và đặc biệt nặng. Đối với nhóm khuyết tật

nặng và đặc biệt nặng thì có các hoạt động trợ giúp để người khuyết tật trong đó có trẻ em khuyết tật sống tự lập và hòa nhập cộng đồng thông qua việc hỗ trợ phương tiện, dụng cụ chuyên dùng và người trợ giúp theo thời gian nhất định theo mức độ khuyết tật nặng và đặc biệt nặng và theo nhu cầu của người khuyết tật (kinh nghiệm của Nhật Bản, Thụy Điển, Vương quốc Anh). Tuy nhiên việc lồng ghép cơ sở dữ liệu trẻ em khuyết tật trong cơ sở dữ liệu trẻ em vẫn là một thách thức mà nhiều quốc gia chưa làm được, trong đó có Việt Nam, số liệu về trẻ em khuyết tật có sự chưa thống nhất giữa cơ sở dữ liệu điều tra của TCTK với Bộ Công An

Bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng và thực hiện Đề án Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, y tế chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp xã hội giai đoạn 2026-2030 cần tập trung quyết liệt hơn, đồng bộ hơn, không chỉ dừng lại ở các mô hình đơn lẻ mà cần tạo sự làm tỏa mạnh mẽ trên phạm vi cả nước và dựa vào nguồn lực của cả nhà nước, cộng đồng xã hội trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, bảo vệ trẻ em và trợ giúp xã hội. Bên cạnh đó cần tạo ra các chính sách trợ giúp phù hợp với nhu cầu của từng nhóm trẻ em khuyết tật và mức độ khuyết tật để bảo đảm tính bền vững.

PHẦN II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Đảm bảo trẻ em khuyết tật được thực hiện đầy đủ các quyền, tiếp cận công bằng, hiệu quả các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, giáo dục, an sinh xã hội và công nghệ hỗ trợ; xóa bỏ các rào cản xã hội, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử, thúc đẩy sự tham gia có ý nghĩa và phát triển tối đa tiềm năng của trẻ em khuyết tật để hòa nhập cộng đồng bền vững.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Mục tiêu 1: Bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, phúc lợi xã hội

1) 95% trẻ em khuyết tật được đánh giá, lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp khi có nhu cầu và kết nối các dịch vụ hỗ trợ can thiệp phù hợp.

2) 95% trẻ em khuyết tật được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần;

3) 70% trẻ em khuyết tật có nhu cầu phục hồi chức năng được tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp.

4) 85% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và giáo dục phổ thông được tiếp cận giáo dục phù hợp.

5) 95% trẻ em khuyết tật học hòa nhập được xây dựng và phê duyệt kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) theo quy định.

6) 95% trẻ em khuyết tật bị xâm hại, bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời, phù hợp.

7) 100% trẻ em khuyết tật có đủ điều kiện theo quy định pháp luật được hưởng trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế;

8) 60% trẻ em khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận các thiết bị và công nghệ hỗ trợ phù hợp trong học tập, giao tiếp và phát triển kỹ năng.

50% các công trình công cộng, cơ sở trợ giúp xã hội, trường học và cơ sở y tế hiện hữu được cải tạo, nâng cấp các hạng mục thiết yếu bảo đảm điều kiện tiếp cận cho trẻ em khuyết tật.

ạch, thiết kế và nghiệm thu tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo trẻ em khuyết tật tiếp cận sử dụng.

2.2. Mục tiêu 2: Truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội, giảm kỳ thị đối với trẻ em khuyết tật và hỗ trợ đảm bảo quyền tham gia, hòa nhập cộng đồng.

1) 80% trẻ em khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng phù hợp với độ tuổi, dạng khuyết tật để hòa nhập cộng đồng.

2) 90% cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật, người dân tại cộng đồng, cán bộ chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, tổ chức của người khuyết tật được cung cấp các kiến thức, kỹ năng nhằm hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật.

3) 90% tỉnh, thành phố thực hiện tham vấn ý kiến trẻ em về chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em bảo đảm có sự tham gia có ý nghĩa của trẻ em khuyết tật.

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao năng lực cán bộ và hiệu quả quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em khuyết tật.

1) 95% cán bộ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục các tổ chức xã hội cung cấp dịch vụ liên quan đến trẻ em khuyết tật, cộng tác viên làm công tác trợ giúp trẻ em khuyết tật được tập huấn nâng cao năng lực về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ toàn diện, hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật.

2) 95% các tỉnh, thành phố thiết lập và triển khai quản lý ca, thiết lập mạng lưới dịch vụ và điều phối dịch vụ liên ngành hỗ trợ trẻ em khuyết tật, thí điểm các mô hình dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật;

3) 100% các tỉnh, thành phố hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ em khuyết tật; triển khai cập nhật, quản lý dữ liệu trẻ em khuyết tật trên địa bàn dựa trên mã định danh cá nhân; bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu với Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn quốc

2. Đối tượng của Đề án:

- Trẻ em, Trẻ em khuyết tật.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thời gian thực hiện Đề án: từ năm 2026 đến 2030

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện quy định pháp luật và các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, hướng dẫn về hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo đảm hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, an sinh xã hội đồng bộ, công bằng, bình đẳng, bền vững dựa trên nhu cầu, quyền của trẻ em khuyết tật, mở rộng cơ hội phát triển, hòa nhập, không phân biệt đối xử, không giới hạn tình trạng trẻ khuyết tật.

- Lồng ghép toàn diện nội dung hỗ trợ trẻ em khuyết tật vào các chương trình, chính sách và dịch vụ y tế, giáo dục và an sinh xã hội hiện có, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tăng tính bao phủ. Đưa chỉ tiêu hỗ trợ trẻ em khuyết tật vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của chính quyền địa phương các cấp để triển khai và giám sát thực hiện.

- Xây dựng cơ chế điều phối giữa các ngành, các cơ sở cung cấp dịch vụ cho trẻ em khuyết tật tại các cấp, bảo đảm việc quản lý trẻ em khuyết tật, cung cấp dịch vụ được toàn diện, liên tục hiệu quả, bình đẳng không bỏ sót đối tượng, bảo đảm mỗi trẻ em khuyết tật được theo dõi, hỗ trợ thống nhất từ cộng đồng đến dịch vụ chuyên sâu.

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình phát hiện sớm và can thiệp sớm đa ngành, trong đó quy định rõ trách nhiệm của y tế cơ sở, giáo dục mầm non và công tác xã hội trong sàng lọc, phát hiện, đánh giá và chuyển tuyến hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

- Nghiên cứu, hoàn thiện và thống nhất hệ thống tiêu chí xác định mức độ và dạng khuyết tật ở trẻ em. Xây dựng và ban hành khung danh mục các dịch vụ hỗ trợ tối thiểu và quy chuẩn dịch vụ đối với trẻ em khuyết tật về y tế, giáo dục, bảo vệ trẻ em, an sinh xã hội, phục hồi chức năng, và công nghệ hỗ trợ làm căn cứ để các địa phương đánh giá nhu cầu, lập kế hoạch can thiệp cá nhân và đo lường mức độ tiếp cận dịch vụ toàn diện của trẻ.

- **Xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ sự nghiệp** công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật, bao gồm dịch vụ sàng lọc, can thiệp sớm, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, quản lý ca, dịch vụ giáo dục hòa nhập và chuyên biệt, trị liệu tâm lý, công nghệ hỗ trợ, chăm sóc ban ngày. Quy định cơ chế hợp tác công tư trong cung

cấp dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật bảo đảm trẻ em khuyết tật được tiếp cận dịch vụ bình đẳng, chất lượng.

- Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương. Quy định rõ vai trò trách nhiệm của UBND các cấp, trong đó cấp xã là đầu mối tổ chức thực hiện chính sách, quản lý đối tượng, điều phối dịch vụ và huy động nguồn lực tại cộng đồng; phát huy mô hình dựa vào cộng đồng và gia đình, tăng cường sự tham gia của trẻ em khuyết tật và người chăm sóc trong lập kế hoạch và giám sát dịch vụ.

- Thực hiện liên thông, chia sẻ dữ liệu về trẻ em khuyết tật giữa các ngành, phục vụ quản lý, theo dõi và điều phối dịch vụ hiệu quả.

2. Hỗ trợ trẻ em khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục phù hợp theo nhu cầu

2.1. Triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ trẻ em khuyết tật:

- Triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa bạo lực, xâm hại, sao nhãng, bóc lột, bắt nạt, kỳ thị và phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật tại gia đình, nhà trường, cơ sở y tế, cơ sở trợ giúp xã hội, cộng đồng và môi trường sống; chú trọng các nhóm trẻ em khuyết tật dân tộc thiểu số, trẻ sống trong hộ nghèo, trẻ sống trong cơ sở chăm sóc tập trung, bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Thiết lập cơ chế phát hiện, tiếp nhận và xử lý kịp thời các hành vi bạo lực, xâm hại và phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật. Xây dựng các kênh tiếp nhận, phản ánh, tố cáo an toàn, bảo mật thông qua Tổng đài 111, sử dụng các hình thức đơn giản, ngôn ngữ phù hợp với trẻ em khuyết tật.

- Thực hiện chăm sóc thay thế kịp thời ưu tiên chăm sóc thay thế trong môi trường gia đình đối với trẻ em khuyết tật mồ côi, bỏ rơi, không nơi nương tựa. Triển khai các biện pháp hỗ trợ cha mẹ, người chăm sóc và gia đình nhằm phòng ngừa bạo lực, sao nhãng, kiệt sức của người chăm sóc và nguy cơ tách trẻ khỏi gia đình.

- Hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật được tiếp cận và sử dụng miễn phí dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp.

2.2. Thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng

- Phát hiện và can thiệp sớm: Nâng cao năng lực hệ thống sàng lọc trước sinh, sơ sinh và quản lý sự phát triển của trẻ nhằm phát hiện sớm di tật bẩm sinh, can thiệp sớm, giảm thiểu tỷ lệ khuyết tật ở trẻ em. Phát triển mạng lưới can thiệp sớm tại cộng đồng, gắn với trạm y tế xã, cơ sở giáo dục và hệ thống bảo trợ xã hội. Chuẩn hóa quy trình phát hiện - can thiệp – chuyển cấp giữa các cấp

khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường năng lực và trang thiết bị cho tuyến y tế cơ sở trong sàng lọc, đánh giá và quản lý trẻ em khuyết tật.

- Chăm sóc sức khỏe theo vòng đời: Thiết lập hệ thống quản lý và theo dõi sức khỏe liên tục cho trẻ em khuyết tật từ khi sinh ra đến trưởng thành. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc hằng năm cho trẻ em, trong đó có trẻ em khuyết tật. Xây dựng và cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử nhằm theo dõi sự phát triển, nhu cầu chăm sóc và hỗ trợ can thiệp kịp thời trong từng giai đoạn phát triển.

- Phát triển hệ thống phục hồi chức năng: Kiện toàn mạng lưới phục hồi chức năng cho trẻ em tại các trung tâm và cộng đồng; Phát triển mạng lưới phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, kết hợp y tế - giáo dục - công tác xã hội. Mở rộng dịch vụ phục hồi chức năng về vận động, ngôn ngữ, tâm lý và kỹ năng sống cho trẻ em khuyết tật. Tăng cường mô hình chăm sóc tại cộng đồng, giảm phụ thuộc vào bệnh viện cấp chuyên sâu.

- Dinh dưỡng, nước sạch và vệ sinh cho trẻ em khuyết tật: Tăng cường tư vấn, theo dõi dinh dưỡng phù hợp theo từng dạng khuyết tật; Hỗ trợ hộ gia đình có trẻ em khuyết tật tiếp cận nước sạch, nhà vệ sinh an toàn và thực hành vệ sinh phòng bệnh.

- Bảo đảm tài chính y tế hỗ trợ trẻ em khuyết tật: bảo đảm trẻ em khuyết tật có thể bảo hiểm y tế, được tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản không rào cản tài chính. Khuyến khích công lập và tư nhân tham gia để mở rộng hỗ trợ chi trả dịch vụ phục hồi chức năng, thiết bị trợ giúp và khám chữa bệnh chuyên sâu cho trẻ em khuyết tật. Từng bước tiến tới giảm gánh nặng chi phí y tế cho nhóm trẻ em khuyết tật, hỗ trợ chi phí phục hồi chức năng, thiết bị trợ giúp và các dịch vụ thiết yếu.

2.3. Triển khai thực hiện hỗ trợ giáo dục đối với trẻ em khuyết tật

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục: đủ trường, lớp, giáo viên cho trẻ em khuyết tật, nhất là vùng khó khăn, dân tộc thiểu số; mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục, bảo đảm mọi trẻ em khuyết tật được tiếp cận giáo dục phù hợp và hỗ trợ theo nhu cầu cá nhân.

- Phát triển giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật, hệ thống trường phổ thông thực hiện mô hình giáo dục hòa nhập, triển khai xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP); Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ em khuyết tật nặng và đặc thù; các tỉnh có trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập. Vận

hành hiệu quả hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với trẻ em khuyết tật. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục chuyên biệt tư thục đối với người khuyết tật và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, y tế, công tác xã hội trong hỗ trợ học tập và phát triển toàn diện cho trẻ em khuyết tật.

- Thực hiện các mô hình giáo dục bán hòa nhập, trong đó trẻ em khuyết tật được học tập cùng trẻ em khác trong môi trường phổ thông, đồng thời được hỗ trợ cá nhân hoặc học tập trong các lớp hỗ trợ chuyên biệt phù hợp với nhu cầu.

- Phát triển đội ngũ giáo viên và chính sách cho cơ sở giáo dục đặc thù: Ban hành và thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên làm việc trong môi trường giáo dục đặc biệt và vùng khó khăn. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng giáo viên về giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt và kỹ năng hỗ trợ học sinh khuyết tật. Nâng cao năng lực trong tổ chức giáo dục hòa nhập và quản lý học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc. đào tạo giáo viên; chuyển tiếp giáo dục nghề nghiệp

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và phương tiện, công nghệ hỗ trợ học tập phù hợp với từng dạng khuyết tật; ứng dụng công nghệ số nhằm bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng cho trẻ em khuyết tật.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp và sinh kế: Tăng cường hướng nghiệp, đào tạo nghề phù hợp; khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp tham gia đào tạo và tạo việc làm; hỗ trợ miễn, giảm chi phí học nghề, thiết bị trợ giúp; tăng cường liên kết y tế – giáo dục – doanh nghiệp trong đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho trẻ em khuyết tật.

2.4. Bảo đảm an sinh xã hội cho trẻ em khuyết tật

- Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ cấp xã hội, hỗ trợ y tế, giáo dục, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

- Hoàn thiện và triển khai các chính sách an sinh xã hội đối với trẻ em khuyết tật theo hướng mở rộng diện hỗ trợ, bảo đảm công bằng và phù hợp với nhu cầu của trẻ em khuyết tật và gia đình; Ưu tiên hỗ trợ đối với trẻ em khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình khó khăn và trẻ em khuyết tật tại vùng miền núi, vùng khó khăn, dân tộc thiểu số.

- Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ sinh kế, chăm sóc thay thế, trợ giúp pháp lý và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy hòa nhập cộng đồng.

2.5. Thực hiện quyền vui chơi, giải trí và tham gia của trẻ em khuyết tật.

- Thực hiện các biện pháp để trẻ em khuyết tật được tham gia bình đẳng vào các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao và các hoạt động xã hội phù hợp.

- Phát triển môi trường, công trình, học liệu, sản phẩm và phương tiện thông tin thân thiện, dễ tiếp cận, phù hợp với nhu cầu của trẻ em khuyết tật trong học tập, vui chơi, giải trí và tham gia xã hội.

- Triển khai các biện pháp thực hiện quyền tham gia của trẻ em khuyết tật trong các hoạt động liên quan đến trẻ em tại gia đình, nhà trường và cộng đồng.

- Xây dựng môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, thân thiện hỗ trợ trẻ em khuyết tật tham gia hoạt động cộng đồng, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

- Rà soát, cải tạo và từng bước bảo đảm các công trình công cộng, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, khu vui chơi và hệ thống giao thông có hạ tầng thân thiện, dễ tiếp cận đối với trẻ em khuyết tật; lồng ghép yêu cầu tiếp cận cho người khuyết tật ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế, xây dựng và cung cấp dịch vụ.

2.6. Phát triển mạng lưới dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật

- Xây dựng mạng lưới liên kết các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em khuyết tật; Triển khai thực hiện quản lý ca đánh giá nhu cầu điều phối tiếp cận các dịch vụ toàn diện. Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ tối thiểu bao gồm: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phục hồi chức năng, giáo dục, bảo vệ trẻ em và trợ giúp an sinh xã hội, vui chơi, giải trí và tham gia của trẻ em khuyết trung nguồn lực cho vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu,

2.7. Thí điểm, chuẩn hóa và nhân rộng các các mô hình dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

- Thí điểm triển khai các mô hình mạng lưới dịch vụ liên ngành, dựa vào cộng đồng cho trẻ em khuyết tật và gia đình, bảo đảm kết nối các dịch vụ bảo vệ trẻ em, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, giáo dục hòa nhập, hỗ trợ tâm lý - xã hội, trợ giúp xã hội, trợ giúp pháp lý và công nghệ hỗ trợ, phù hợp với nhu cầu cá nhân, dạng khuyết tật, độ tuổi, giới tính và hoàn cảnh của trẻ.

- Xây dựng hướng dẫn và triển khai thí điểm mô hình chăm sóc ban ngày, chăm sóc thay thế dựa vào cộng đồng cho trẻ em khuyết tật, nhằm hỗ trợ trẻ được chăm sóc an toàn, phát triển kỹ năng, vui chơi, tham gia và hòa nhập cộng đồng;

- Thực hiện thí điểm mô hình phát hiện sớm, đánh giá nhu cầu toàn diện, lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân và chuyển tuyến liên ngành cho trẻ em có dấu hiệu chậm phát triển, khuyết tật hoặc nguy cơ khuyết tật, bao gồm trẻ tự kỷ, trẻ

khuyết tật trí tuệ, tâm lý - xã hội, ngôn ngữ, nghe, nhìn, vận động và đa khuyết tật; bảo đảm trẻ và gia đình được tư vấn, can thiệp sớm, theo dõi phát triển và kết nối với các dịch vụ phù hợp.

- Thực hiện thí điểm mô hình hỗ trợ giáo dục hòa nhập và chuyển tiếp cho trẻ em khuyết tật, bao gồm đánh giá nhu cầu học tập, kế hoạch giáo dục cá nhân, hỗ trợ hợp lý, học liệu dễ tiếp cận, công nghệ trợ giúp, hỗ trợ giáo viên, tư vấn cho cha mẹ và phối hợp giữa nhà trường, gia đình, y tế, phục hồi chức năng và dịch vụ bảo vệ trẻ em.

3. Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về hỗ trợ trẻ khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử.

- Thực hiện tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về quyền trẻ em khuyết tật, nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và toàn xã hội hỗ trợ trẻ khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục.

- Triển khai thường xuyên các hoạt động truyền thông, đa dạng hóa hình thức truyền thông, bảo đảm phù hợp các đối tượng, vùng miền, ngôn ngữ và dạng khuyết tật. Tăng cường chiến dịch truyền thông, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp tại cộng đồng, trường học, cơ sở y tế và cơ sở trợ giúp xã hội về quyền trẻ em khuyết tật, nhằm nâng cao nhận thức xã hội, xóa bỏ việc kỳ thị và phân biệt đối xử với trẻ em khuyết tật hướng tới môi trường thân thiện hỗ trợ hòa nhập cho trẻ em khuyết tật. Tăng cường tuyên truyền trên mạng xã hội, trong trường học, cơ quan và doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác truyền thông.

- Phát triển các sản phẩm truyền thông phù hợp với cộng đồng, đặc biệt là trẻ em khuyết tật, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em khuyết tật. Xây dựng hướng dẫn, giáo dục các kiến thức, kỹ năng hỗ trợ trẻ em khuyết tật hòa nhập phù hợp, hỗ trợ cha mẹ, người chăm sóc trẻ, cộng đồng có kiến thức kỹ năng chăm sóc trẻ em khuyết tật.

- Tăng cường các lớp tập huấn, hướng dẫn, giáo dục cho trẻ khuyết tật các kiến thức, kỹ năng hòa nhập cộng đồng phù hợp với độ tuổi, dạng khuyết tật. Tuyên truyền, tập huấn cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em khuyết tật, người dân tại cộng đồng, cán bộ chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, tổ chức của người khuyết tật về kiến thức, kỹ năng hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng và giảm kỳ thị, phân biệt đối xử đối với trẻ em khuyết tật.

- Thực hiện các cuộc tham vấn ý kiến chính sách, chương trình liên quan đến trẻ em tại các cấp bảo đảm có sự tham gia có ý nghĩa của trẻ em khuyết tật.

- Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức của người khuyết tật, tổ chức vì người khuyết tật, cha mẹ trẻ khuyết tật trong công tác tuyên truyền và vận động xã hội

4. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hỗ trợ trẻ em khuyết tật các thiết bị và công nghệ hỗ trợ phù hợp trong học tập, giao tiếp và phát triển kỹ năng.

- Thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong thu thập và quản lý dữ liệu; xây dựng hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ em khuyết tật, bảo đảm mỗi trẻ có mã định danh và hồ sơ theo dõi liên thông.

- Xây dựng nền tảng số về hỗ trợ trẻ em khuyết tật, kết nối thông tin, dịch vụ, tư vấn trực tuyến và thư viện tài liệu học tập, hướng dẫn trực tuyến cho cha mẹ, giáo viên, nhân viên công tác xã hội và trẻ em khuyết tật.

- Ban hành danh mục khung các thiết bị, phương tiện và công nghệ hỗ trợ tối thiểu phù hợp với từng dạng khuyết tật trong môi trường học tập, giao tiếp và sinh hoạt hàng ngày.

- Phát triển và cung cấp các sản phẩm công nghệ trợ giúp theo tiêu chuẩn của quốc tế hoặc tiêu chuẩn của Việt Nam nhằm hỗ trợ học tập, giao tiếp, phục hồi chức năng và sinh hoạt độc lập cho trẻ em khuyết tật. Hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các thiết bị, công nghệ hỗ trợ phù hợp trong học tập, giao tiếp và phát triển kỹ năng.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức khoa học- công nghệ, cơ sở giáo dục và y tế nghiên cứu, sáng tạo và chuyển giao công nghệ trợ giúp, thiết bị học tập thông minh, phần mềm giao tiếp và phục hồi chức năng.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa, quỹ từ thiện, tài trợ doanh nghiệp hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận thiết bị và công nghệ hỗ trợ phù hợp.

5. củng cố, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác hỗ trợ trẻ em khuyết tật, tăng cường quản lý, giám sát.

- Củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em tại các cấp đảm bảo đủ số lượng và năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật. Xây dựng chính sách đãi ngộ cán bộ làm công tác hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại các cấp, các ngành, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, cộng đồng ưu tiên đối với tuyến xã, phường, vùng khó khăn, dân tộc thiểu số miền núi.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trẻ em của ngành y tế, giáo viên tại các cơ sở giáo dục, nhân viên y tế thôn bản và các ngành, đoàn

thể các cấp, các tổ chức xã hội, các tổ chức của người khuyết tật liên quan về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em khuyết tật, hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ; phát hiện sớm trẻ em khuyết tật và thực hiện theo dõi, quản lý trẻ em khuyết tật, quy trình kết nối dịch vụ chăm sóc trẻ em khuyết tật, các quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí về chăm sóc trẻ em khuyết tật.

- Tập huấn cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên dạy lớp hòa nhập về kỹ năng đánh giá sự phát triển của trẻ, kỹ năng lập, phê duyệt và thực hiện IEP. Đào tạo nâng cao năng lực cho giáo viên và cán bộ y tế/công tác xã hội trường học về ứng dụng công nghệ hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

- Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá và công cụ thu thập thông tin về tình hình trẻ em khuyết tật, kết quả thực hiện đề án.

- Xây dựng và vận hành hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ khuyết tật, bảo đảm trẻ em khuyết tật có mã định danh và hồ sơ theo dõi liên thông giữa các ngành.

- Tăng cường kiểm tra và giám sát chuyên đề, liên ngành việc thực hiện các quy định pháp luật, chính sách đối với trẻ em khuyết tật nhằm bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và công bằng trong tiếp cận dịch vụ.

- Thực hiện cơ chế điều phối liên ngành thống nhất từ Trung ương đến địa phương giữa ngành y tế, giáo dục và các ngành liên quan trong cung cấp dịch vụ cho trẻ em khuyết tật. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam, Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam trong giám sát, phản biện xã hội và huy động nguồn lực cộng đồng.

- Bảo đảm ngân sách trung ương và địa phương; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu về y tế, giáo dục và bảo trợ xã hội; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng và các đối tác quốc tế.

- Mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức nhằm hỗ trợ kỹ thuật, tài chính và chia sẻ kinh nghiệm trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Ngân sách trung ương và địa phương được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các bộ, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện một số Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ có liên quan

2. Các nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, hướng dẫn, điều hành hoạt động Đề án và thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

- Hướng dẫn và triển khai công tác phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp sớm các tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và bệnh lý liên quan ở trẻ em khuyết tật.

- Ban hành quy trình chuyên môn về quản lý ca; hướng dẫn xây dựng kế hoạch can thiệp, hỗ trợ toàn diện giúp trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hòa nhập cộng đồng.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng; cung cấp kiến thức, kỹ năng phát hiện, chăm sóc và hỗ trợ trẻ em khuyết tật cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ. Kiến thức kỹ năng hỗ trợ trẻ em khuyết tật hòa nhập cộng đồng.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng bác sĩ, nhân viên y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở phục hồi chức năng và nhân viên trợ giúp xã hội tại cơ sở.

- Tổ chức triển khai thí điểm các mô hình trợ giúp trẻ em khuyết tật: mô hình chăm sóc ban ngày cho trẻ em khuyết tật; mô hình tư vấn phát hiện sớm các bệnh lý thần kinh- tâm thần ở trẻ em khuyết tật để can thiệp và điều trị chuyên sâu; mô hình phát hiện và hỗ trợ trẻ em tự kỷ; Mô hình mạng lưới dịch vụ và kết nối hỗ trợ trẻ em tiếp cận dịch vụ

- Huy động sự hỗ trợ, hợp tác về tài chính và kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai thực hiện Đề án.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án vào cuối năm 2030.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán hòa nhập cho trẻ em khuyết tật; phát triển mạng lưới trường học, lớp học chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Hướng dẫn triển khai Kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Quản lý tiêu chuẩn, thẩm định sách giáo khoa, học liệu số, chữ nổi Braille, ngôn ngữ ký hiệu; bảo đảm 100% trẻ em khuyết tật học hòa nhập có Kế hoạch giáo dục cá nhân.

- Đề xuất chính sách đãi ngộ cho giáo viên giáo dục đặc biệt; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn về giáo dục hòa nhập cho cán bộ, giáo viên.

- Ban hành tiêu chuẩn phòng học, thiết bị chuyên dùng, và ứng dụng công nghệ hỗ trợ cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Đẩy mạnh chuyển đổi số và công nghệ trợ giúp học tập tiếp cận không rào cản.

- Phối hợp phát hiện, can thiệp sớm; chia sẻ dữ liệu học sinh khuyết tật vào hệ thống quốc gia; hỗ trợ hướng nghiệp và chuyển tiếp giáo dục nghề nghiệp.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, vui chơi, du lịch phù hợp trẻ em khuyết tật. Hướng dẫn phát triển, cung cấp các xuất bản phẩm, tài liệu đặc thù với trẻ em khuyết tật tại hệ thống thư viện.

- Chỉ đạo hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền về quyền trẻ em khuyết tật, xóa bỏ kỳ thị, phân biệt đối xử. Tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng chăm sóc trẻ khuyết tật tại gia đình; lồng ghép nội dung trợ giúp trẻ em khuyết tật vào phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* và tiêu chuẩn *"Gia đình văn hóa"*. Khuyến khích, quản lý việc sản xuất các chương trình truyền hình có ngôn ngữ ký hiệu/phụ đề và xuất bản các tài liệu tuyên truyền, học liệu hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

- Kiểm tra, bảo đảm các điều kiện tiếp cận an toàn cho trẻ em khuyết tật tại các công trình văn hóa, thể thao, khu du lịch, điểm vui chơi công cộng.

4. Bộ Xây dựng

- Chủ trì nghiên cứu, ban hành, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình bảo đảm tiếp cận cho người khuyết tật và trẻ em khuyết tật; áp dụng bắt buộc tại các công trình công cộng, trường học, cơ sở y tế, văn hóa - thể thao và hạ tầng giao thông. Tổ chức rà soát, lồng ghép các yêu cầu tiếp cận ngay từ khâu quy hoạch, thiết kế, thẩm định, cấp phép đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chuẩn tiếp cận; chỉ đạo cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và công trình hiện có theo hướng thân thiện, không rào cản đối với trẻ em khuyết tật.

- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan thúc đẩy phát triển hạ tầng giao thông công cộng, công trình đô thị và môi trường sống an toàn, tiếp cận cho trẻ em khuyết tật.

5. Bộ Tài chính

- Cấp kinh phí bảo đảm thực hiện Đề án hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật;
- Vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em khuyết tật.

6. Bộ Khoa học công nghệ

- Chủ trì, phối hợp triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng và hòa nhập xã hội cho trẻ em khuyết tật.
- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ số, công nghệ hỗ trợ, nền tảng giao dịch điện tử và các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ công, dịch vụ xã hội của trẻ em khuyết tật.
- Rà soát, xây dựng, thẩm định và công bố các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khả năng tiếp cận, công nghệ trợ giúp và môi trường số an toàn, thân thiện đối với người khuyết tật và trẻ em khuyết tật.

7. Các bộ, ngành liên quan: căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

8. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức thành viên, Hội Bảo vệ Quyền trẻ em Việt Nam, Liên hiệp hội người khuyết tật, Hội người mù Việt Nam các tổ chức của người khuyết tật phối hợp tuyên truyền, vận động xã hội, giám sát việc thực hiện quyền của trẻ em khuyết tật; tăng cường quyền tham gia của trẻ em khuyết tật thông qua diễn đàn, lấy ý kiến trẻ em, tham gia phát hiện sớm, đánh giá nhu cầu và cung cấp dịch vụ hỗ trợ và huy động nguồn lực thực hiện Đề án.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các bộ, ngành chức năng;
- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí địa phương, tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ,

chăm sóc, giáo dục trẻ em phù hợp chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bảo đảm hiệu quả.

- Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Đề án này với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn;

- Đẩy mạnh phối hợp liên ngành trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ toàn diện về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em khuyết tật tại địa phương;

- Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực hiện Đề án trên địa bàn theo quy định hiện hành.

VI. HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả

Đề án được thực hiện thành công sẽ mang lại hiệu quả thiết thực đối với trẻ em khuyết tật, gia đình có trẻ em khuyết và cộng đồng xã hội, trên nhiều khía cạnh khác nhau: thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi đối trẻ em khuyết tật; giảm thiểu tình trạng khuyết tật và mức độ khuyết tật ở trẻ em; Cơ hội thuận lợi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội có chất lượng và công bằng, đặc biệt là các dịch vụ về y tế, giáo dục, vui chơi giải trí và trợ giúp xã hội; cơ hội hòa nhập xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống; giảm thiểu chi phí cho việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em của gia đình và xã hội; quyền của trẻ em khuyết tật được thực hiện tốt hơn.

Về giáo dục: TEKT Cơ hội chuyển tiếp học cao hơn, sống độc lập; Các cơ sở giáo dục có niềm tin hơn trong việc giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt đối với TEKT và chú trọng hơn đến việc bảo đảm cơ sở vật chất đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở giáo dục không rào cản

Giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật và mức độ khuyết tật: Với việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp của đề án từ khâu phòng ngừa, phát hiện sớm, can thiệp sớm sẽ góp phần giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật; giảm thiểu mức độ khuyết tật. Sức khỏe thể chất của trẻ em khuyết tật cũng sẽ tốt hơn khi được tiếp cận dịch vụ y tế kịp thời có chất lượng.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ em khuyết tật: Với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp trợ giúp của đề án sẽ giúp trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, y tế, giáo dục, vui chơi giải trí và trợ giúp xã hội thuận lợi hơn, hiệu quả hơn, qua đó góp phần cải thiện môi trường sống, cải thiện chất lượng cuộc sống của trẻ em khuyết tật và gia đình có trẻ em khuyết tật.

Hòa nhập xã hội của trẻ em khuyết tật tốt hơn: Khi được tiếp cận kịp thời với các dịch vụ y tế, giáo dục, vui chơi giải trí, xã hội theo nhu cầu, sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần của trẻ em khuyết tật cũng ổn định và cải thiện tốt hơn; giúp các em tự tin, chủ động hòa nhập xã hội. Tự tin vào bản thân vào cuộc sống trong tương lai

Giúp trẻ em khuyết tật có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em nói chung và quyền của trẻ em khuyết tật nói riêng: Với việc thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của đề án sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em nói chung và quyền của trẻ em khuyết tật nói riêng theo quy định của công ước quốc tế về quyền trẻ em và Luật trẻ em năm 2016.

Giảm chi phí trực tiếp và gián tiếp: Với các hoạt động phòng ngừa khuyết tật, rà soát phát hiện sớm, can thiệp sớm, Gia đình có trẻ em khuyết tật và nhà nước cũng sẽ giảm được chi phí trực tiếp và gián tiếp trong việc phục hồi chức năng cho trẻ em

2. Tác động

Tác động đến trẻ em: Về lâu dài trẻ em khuyết tật sẽ trưởng thành và có cuộc sống khỏe mạnh hơn, có khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, tạo ra các sản phẩm hữu ích cho xã hội, tự nuôi sống bản thân, thậm chí còn tạo việc làm và thu nhập cho người khác, mang lại hiệu quả kinh tế- xã hội thiết thực cho chính trẻ em và toàn xã hội

Đề án thực hiện thành công sẽ tác động mạnh đến việc thực hiện tốt hơn các quyền của trẻ em khuyết tật nói riêng và quyền của trẻ em nói chung. Qua đó làm thay đổi nhận thức, thái độ hành vi của cộng đồng xã hội, gia đình, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và trợ giúp xã hội đối với trẻ em khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung.

Tác động đến gia đình có trẻ em khuyết tật: Giúp gia đình các em giảm bớt lo âu về tương lai của các em. Giảm bớt được thời gian dành cho việc chăm sóc các em khi các em có sức khỏe tốt có thể tự chăm sóc được bản thân. Giảm bớt được chi phí cho việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ xã hội, nhất là dịch vụ y tế và giáo dục có chất lượng.

Tác động xã hội: Đề án thực hiện thành công cũng tạo ra một tiền đề về cách tiếp cận trợ giúp toàn diện, đồng bộ có sự gắn kết hỗ trợ của cả nhà nước, cộng đồng, xã hội và gia đình đối với trẻ em khuyết tật trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội theo nhu cầu. Tạo dựng môi trường sống thân thiện, lành mạnh, không rào cản trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội của trẻ em. Góp phần quan

trọng vào xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số, kỷ nguyên phát triển nhanh và bền vững của dân tộc. Tạo nên giá trị, đạo đức, văn hóa mới đậm đà bản sắc dân tộc, bản sắc nhân văn của con người Việt Nam trong việc chia sẻ, hỗ trợ trẻ em khuyết tật nói riêng và người khuyết tật nói chung. Nâng cao chất lượng cuộc sống của mọi người dân và không bỏ sót ai ở phía sau.

Ở phạm vi rộng hơn, việc thực hiện đề án thành công cũng khẳng định cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế thực hiện quyền trẻ em, quyền của trẻ em khuyết tật và công ước quốc tế về người khuyết tật

Tác động kinh tế: Các hoạt động phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm, trị liệu tâm lý xã hội và can thiệp sớm bằng các liệu pháp y tế không chỉ góp phần giảm tỷ lệ trẻ em khuyết tật mà còn tiết kiệm được chi phí về y tế, xã hội trong việc chăm sóc và đảm bảo an sinh xã hội cho trẻ em khuyết tật, người khuyết tật sau này

Tác động đến việc thay đổi nhận thức và cách tiếp cận hỗ trợ trẻ em khuyết tật: Các hoạt động trợ giúp trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, xã hội trước đây đa phần là tiếp cận đơn lẻ, hiệu quả thấp, chưa thật sự đáp ứng nhu cầu đa dạng của các em. Khi xây dựng và thực hiện đề án sẽ góp phần thay đổi nhận thức và cách tiếp cận hỗ trợ toàn diện của gia đình, cộng đồng, xã hội nhằm đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu đa dạng của trẻ em khuyết tật trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội.

VII. TÍNH KHẢ THI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026-2030 là rất cần thiết, có đầy đủ cơ sở pháp lý thực hiện theo Luật Trẻ em, Luật người khuyết tật, chỉ đạo của đồng chí Tổng bí thư cũng đã nhấn mạnh, chính sách cần chuyển mạnh sang mô hình xã hội – hòa nhập, ưu tiên phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, giáo dục hòa nhập, việc làm, hạ tầng tiếp cận và công nghệ trợ giúp; thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật, trong đó Công ước có quy định riêng về quyền đối với trẻ em khuyết tật và các cơ sở pháp lý khác đã nêu ở phần trên.

Đề án có đầy đủ cơ sở thực tiễn thực hiện, kinh nghiệm của các nước trong khu vực đối với trẻ em khuyết tật, đặc biệt là kinh nghiệm, bài học, kết quả thực tế đã triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2018-2025 trong phạm vi toàn quốc, được sự ủng hộ của các bộ, ban, ngành, trung ương, địa phương, các tổ chức chính trị, xã

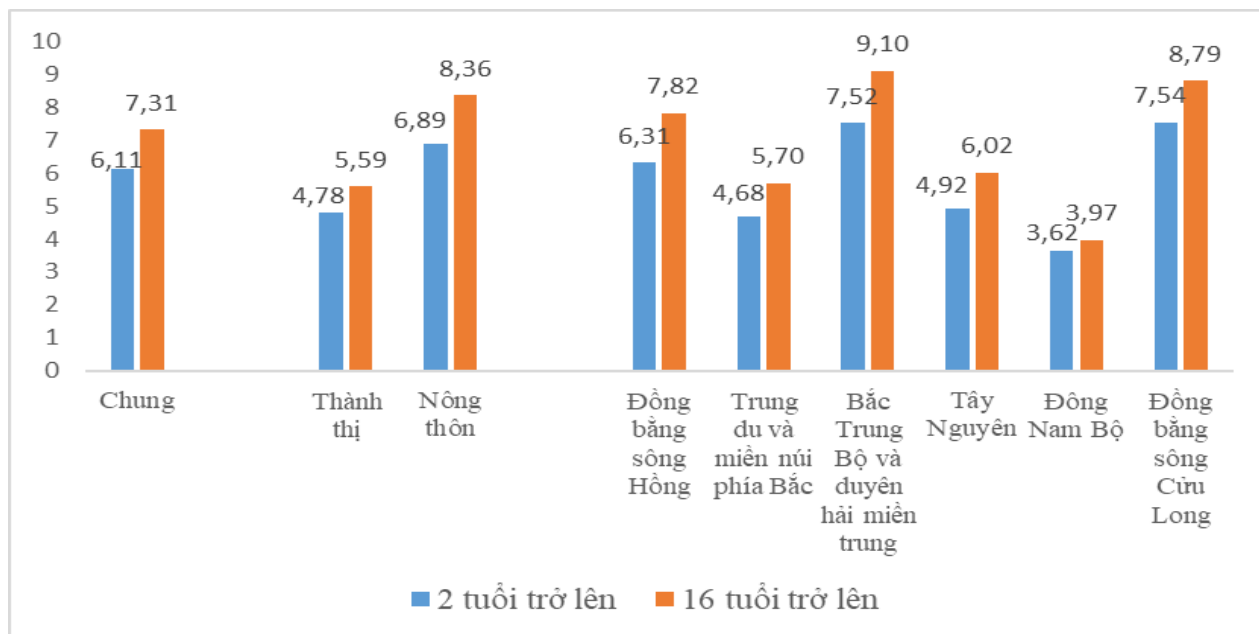
hội, các hội nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế, trong nước đã ủng hộ, hỗ trợ nguồn lực, và sự đồng lòng, ủng hộ của toàn thể nhân dân; đã hoàn thành các nội dung, hoạt động của Đề án và đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Như vậy Đề án giai đoạn 2026-2030 được xây dựng đã có tính kế thừa thực hiện Đề án của giai đoạn trước 2018-2025, hoàn toàn có tính khả thực hiện mạnh mẽ, rộng rãi và quyết liệt hơn trong giai đoạn 2026-2030 nếu như được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

PHẦN PHỤ LỤC

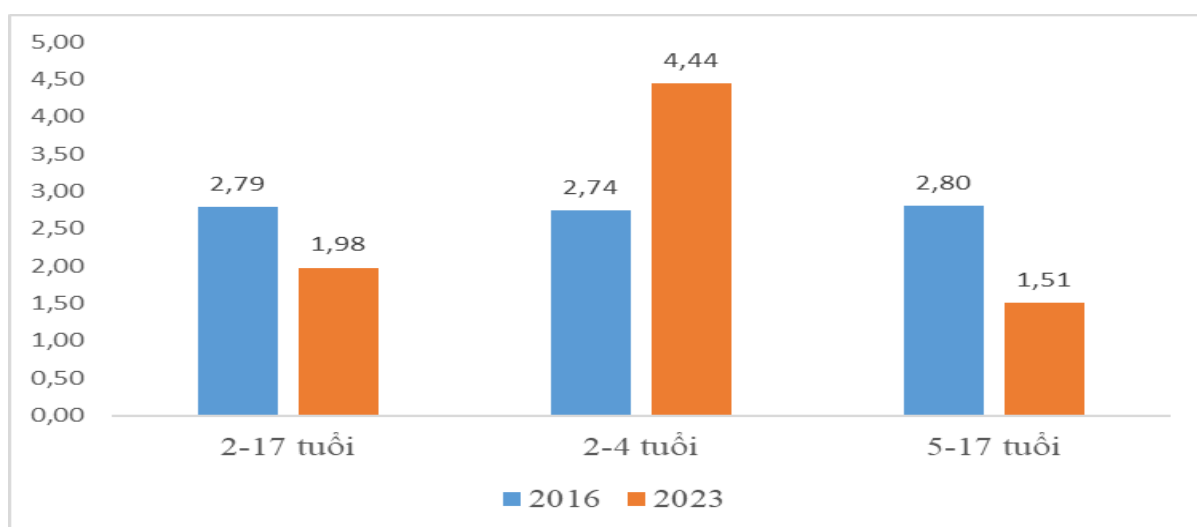
Phụ lục 1- các biểu đồ

Hình 1. Tỷ lệ khuyết tật của người từ 2 tuổi trở lên và 16 tuổi trở lên chia theo khu vực thành thị, nông thôn và vùng năm 2023 (Đơn vị tính: %)



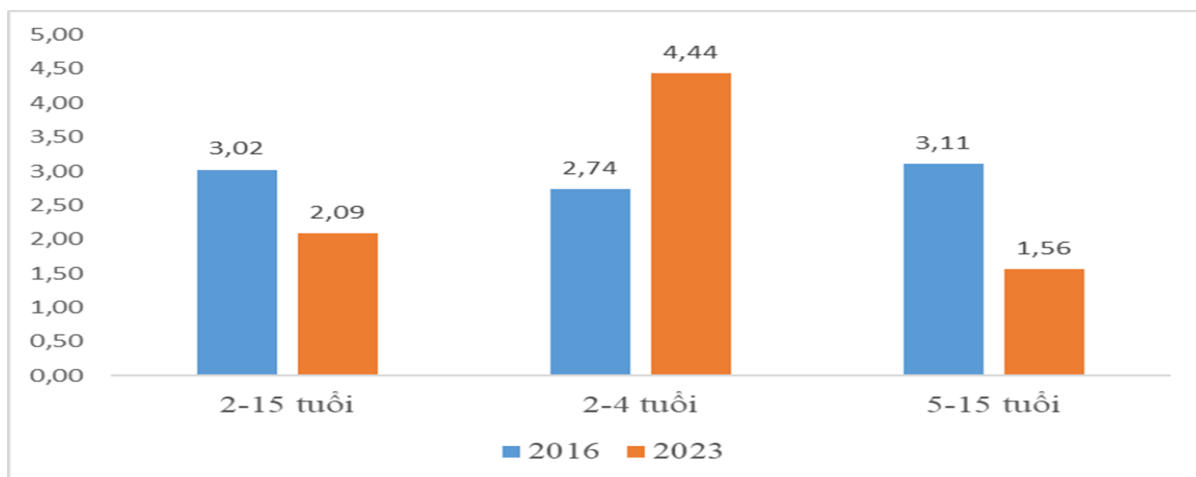
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

Hình 2. Tỷ lệ khuyết tật của trẻ em từ 2-17 tuổi năm 2016 và 2023 (%)



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2016 và 2023

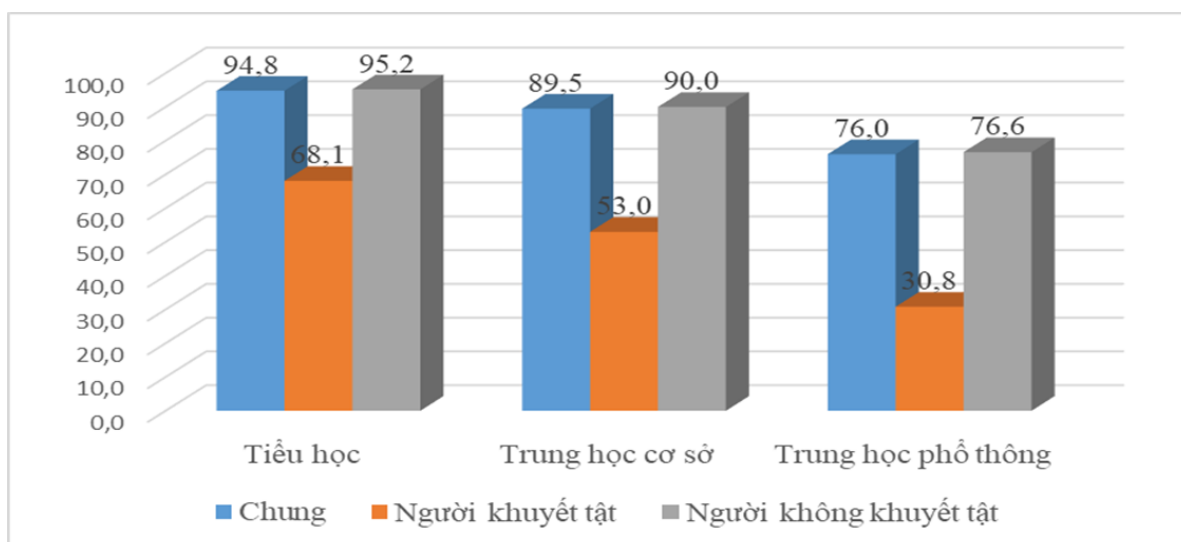
Hình 3. Tỷ lệ khuyết tật của trẻ em từ 2-15 tuổi năm 2016 và 2023 (%)



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2016 và 2023

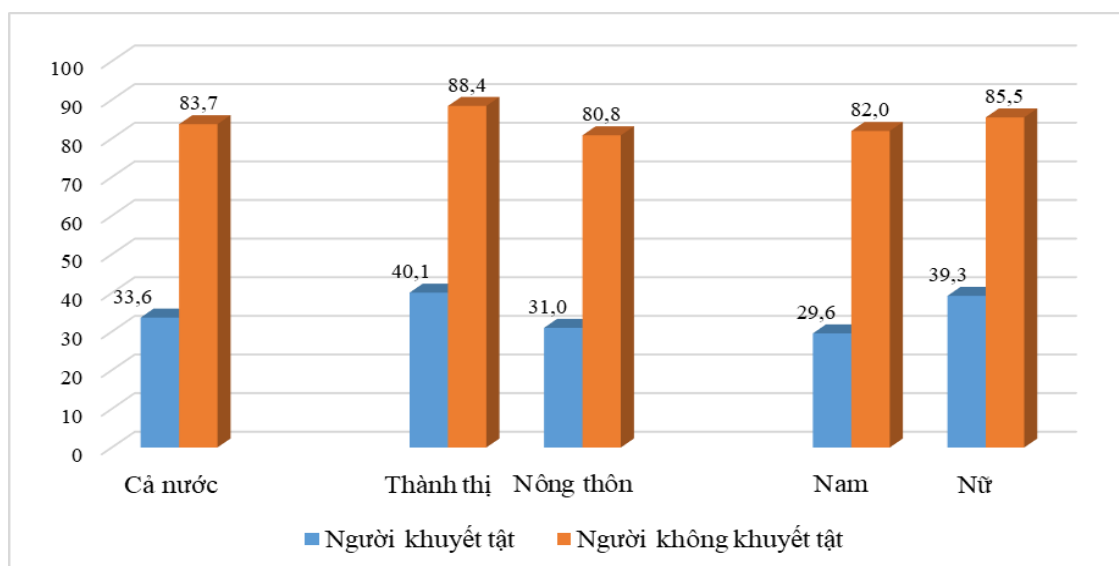
Hình 4. Tỷ lệ đi học đúng tuổi của trẻ em khuyết tật và trẻ em không khuyết tật chia theo cấp học năm 2023

Đơn vị tính: %



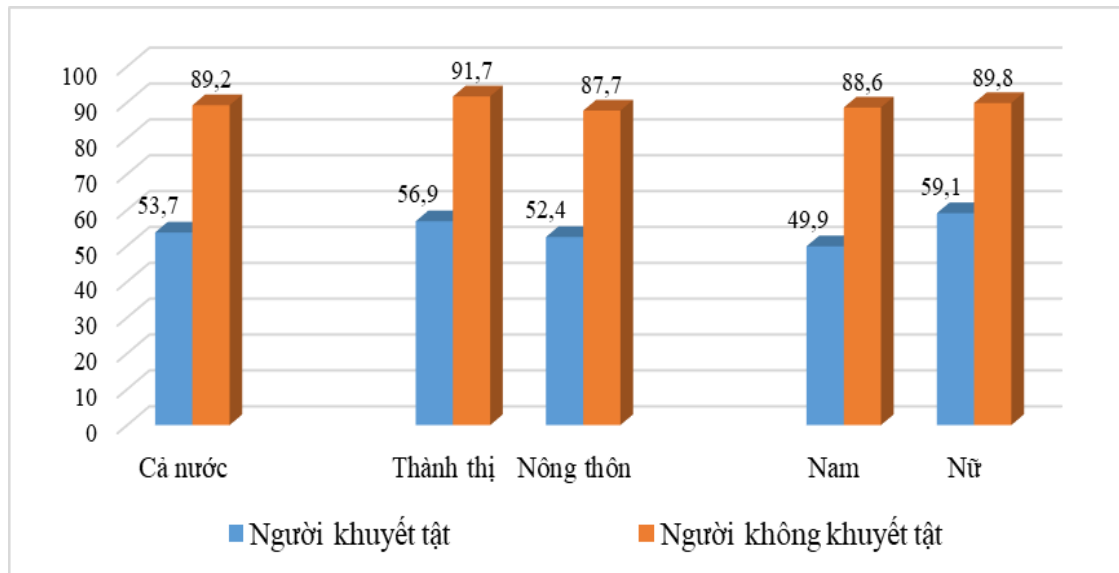
Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

Hình 5. Tỷ lệ người khuyết tật và người không khuyết tật có truy cập internet chia theo thành thị, nông thôn và giới tính năm 2023 (%)



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

Hình 6. Tỷ lệ người khuyết tật và người không khuyết tật có điện thoại di động chia theo thành thị, nông thôn và giới tính năm 2023 (%)



Nguồn: Tính toán từ dữ liệu VDS 2023

Phụ lục 2

Bảng mục tiêu và các chỉ số, chỉ tiêu.

ST T	
I	
1	Tỷ lệ TEKT được đánh giá nhu cầu toàn diện, lập kế hoạch hỗ trợ can thiệp khi có nhu cầu và kết nối các
2	Tỷ lệ TEKT được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần (%)
3	Tỷ lệ TEKT có nhu cầu phục hồi chức năng được tiếp cận dịch vụ phục hồi chức năng phù hợp (%)
4	Tối thiểu 85% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và giáo dục phổ thông được tiếp cận giáo dục phù hợp
5	Tỷ lệ TEKT học hòa nhập được xây dựng và phê duyệt kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP) theo quy định.
6	Tỷ lệ TEKT có đủ điều kiện theo quy định được hưởng trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế (%)
7	Tỷ lệ TEKT bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi khi được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp k

8	Tỷ lệ TEKT có nhu cầu được tiếp cận các các thiết bị và công nghệ hỗ trợ phù hợp trong học tập, giao tiếp
9	ộng, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao xây dựng mới được thẩm định quy hoạch, thiết kế và nghiệm
10	TL các công trình công cộng, cơ sở trợ giúp xã hội, trường học và cơ sở y tế hiện hữu được cải tạo, nâng
II	
1	Tỷ lệ TEKT được cung cấp các kiến thức, kỹ năng phù hợp (%).
2	Tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc TEKT, người dân tại cộng đồng, cán bộ chính quyền các cấp, các tổ chức x
III	
1	Tỷ lệ cán bộ liên quan cung cấp dịch vụ cho TEKT được tập huấn nâng cao năng lực (%)
2	Tỷ lệ các tỉnh, thành phố triển khai quản lý ca, thiết lập mạng lưới dịch vụ và điều phối dịch vụ liên ngành
3	Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia về trẻ em khuyết tật; 100% Hệ thống dữ liệu điện tử quốc gia